

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
BỘ MÔN LỊCH SỬ



KIẾN THỨC CƠ BẢN
LỊCH SỬ 10

Họ tên:

Lớp:

Năm học: 2024-2025

Tài liệu lưu hành nội bộ

CHƯƠNG I. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

Bài 1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC CON NGƯỜI NHẬN THỨC **A. LÝ THUYẾT**

1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

a. Lịch sử

** Lịch sử là gì?*

- Lịch sử là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ.

** Hiện thực lịch sử là gì?*

- Là toàn bộ sự vật, hiện tượng đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, ngoài ý muốn của con người.

** Lịch sử được con người nhận thức*

- Là những hiểu biết của con người về hiện thực lịch sử được trình bày, tái hiện theo nhiều cách khác nhau.

b. Sử học.

** Khái niệm Sử học*

- Sử học là khoa học nghiên cứu lịch sử của xã hội loài người nói chung hoặc của một quốc gia, dân tộc, địa phương, con người nói riêng.

** Đối tượng nghiên cứu của Sử học*

- Là tiến trình phát triển của xã hội loài người trong quá khứ và mang tính toàn diện.

** Chức năng của Sử học*

- Chức năng khoa học: khôi phục các sự kiện, hiện tượng lịch sử diễn ra trong quá khứ

- Chức năng xã hội: giúp con người tìm hiểu các quy luật phát triển của xã hội loài người từ đó nhận thức hiện tại và dự đoán được tương lai.

- Chức năng giáo dục: giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức; rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại.

** Nhiệm vụ của Sử học*

- Cung cấp tri thức khoa học nhằm giải thích hiện tượng lịch sử một cách chính xác, khách quan, chân thực.

- Góp phần nâng cao trình độ nhận thức của con người.

- Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và phát triển nhân cách con người.

2. Tri thức lịch sử và cuộc sống

a. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời

- Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng trong khi tri thức lịch sử có nhiều hạn chế, biến đổi không ngừng.

- Việc học tập lịch sử suốt đời giúp mỗi người, cập nhật, mở rộng tri thức...để nắm bắt tốt các cơ hội trong cuộc sống.

b. Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử.

- Là những hoạt động quan trọng trong quá trình học tập, tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử.

- Dùng các nguồn thông tin, sử liệu để khôi phục, giải thích, đánh giá sự kiện lịch sử.

c. Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

- Lịch sử cung cấp cho con người những kinh nghiệm quý báu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Lịch sử cho biết về những giá trị truyền thống và văn hóa mỗi quốc gia, dân tộc.
- Bảo tàng là nơi lưu giữ các nguồn sử liệu của hiện thực lịch sử

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Khái niệm nào sau đây là đúng?

- A. Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.
- B. Lịch sử là những gì diễn ra ở mỗi dân tộc.
- C. Lịch sử là những gì diễn ra ở mỗi quốc gia.
- D. Lịch sử là quá trình tiến hóa của con người.

Câu 2: Lịch sử được hiểu theo những nghĩa nào sau đây?

- A. Tái hiện lịch sử và học tập lịch sử.
- B. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.
- C. Nhận thức lịch sử và hiểu biết lịch sử.
- D. Hiện thực lịch sử và tái hiện lịch sử.

Câu 3: Khái niệm nào là đúng về Sử học?

- A. Sử học là khoa học nghiên cứu về hoạt động của con người.
- B. Sử học là khoa học nghiên cứu về văn hóa của con người.
- C. Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
- D. Sử học là khoa học nghiên cứu về tiến hóa của con người.

Câu 4: Đối tượng nghiên cứu của Sử học là

- A. quá trình phát triển của loài người.
- B. những hoạt động của loài người.
- C. quá trình tiến hóa của loài người.
- D. toàn bộ quá khứ của loài người.

Câu 5: Sử học có chức năng nào sau đây?

- A. Khoa học và nghiên cứu.
- B. Khoa học và xã hội.
- C. Khoa học và giáo dục.
- D. Khoa học và nhân văn.

Câu 6: Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của Sử học?

- A. Nhận thức, giáo dục và dự báo.
- B. Nghiên cứu, học tập và dự báo.
- C. Giáo dục, khoa học và dự báo.
- D. Nhận thức, khoa học và giáo dục.

Câu 7: Để tìm hiểu và khám phá lịch sử, người nghiên cứu phải dựa vào yếu tố nào sau đây?

- A. Khảo cổ học.
- B. Thư tịch cổ.
- C. Tư liệu gốc.
- D. Nguồn sử liệu.

Câu 8: Nội dung nào là nhiệm vụ cơ bản của công tác chuẩn bị sử liệu?

- A. Tìm kiếm, tra cứu và xử lý sử liệu.
- B. Tìm kiếm và chọn lọc nguồn sử liệu.
- C. Suu tầm và xử lý thông tin sử liệu.
- D. Suu tầm và chọn lọc nguồn sử liệu.

Câu 9: Nhận thức lịch sử phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây của người tìm hiểu Lịch sử?

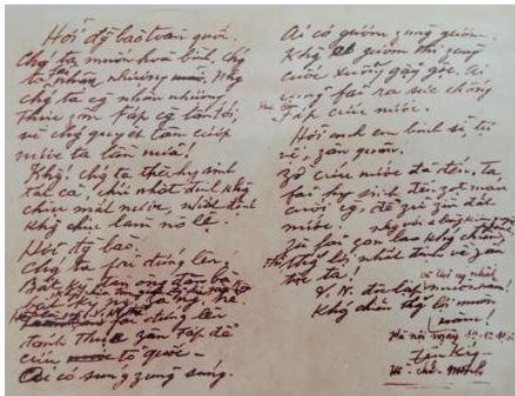
- A. Mức độ hiểu biết về lịch sử.
- B. Nhu cầu và năng lực tìm hiểu.
- C. Đối tượng tiến hành nghiên cứu.
- D. Khả năng nhận thức lịch sử.

Câu 10: Quá trình nào sau đây là xử lý thông tin sử liệu?

- A. Phân loại, đánh giá, thẩm định, so sánh.
- B. Phân tích, đánh giá, nhận xét, so sánh.
- C. Suu tầm, tìm kiếm, phân loại, đánh giá.

D. Tìm kiếm, thẩm định, so sánh, nhận xét.

Câu 11: Hình ảnh dưới đây thuộc loại sử liệu nào?



*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của
Hồ Chí Minh (19/12/1946)*

- A. Sử liệu trực tiếp và sử liệu viết.
- B. Sử liệu gián tiếp và sử liệu viết.
- C. Sử liệu trực tiếp và sử liệu hiện vật.
- D. Sử liệu gián tiếp và sử liệu truyền miệng.

Câu 12: Qua câu truyện cổ tích “Thánh Gióng” đánh đuổi giặc Ân. Hãy cho biết, đây thuộc loại nguồn sử liệu nào?

- A. Sử liệu viết.
- B. Sử liệu truyền miệng.
- C. Sử liệu hình ảnh.
- D. Sử liệu đa phương tiện.

Câu 13: Nhiệm vụ nào là quan trọng nhất trong công tác chuẩn bị sử liệu khi tiến hành tìm hiểu và khám phá lịch sử?

- A. Thu thập, tìm kiếm thông tin sử liệu.
- B. Thẩm định nguồn thông tin sử liệu.
- C. Thu thập và xử lý thông tin sử liệu.
- D. Đánh giá nguồn thông tin sử liệu.

Câu 14: Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và rút ra bài học kinh nghiệm hiện tại là chức năng nào của sử học?

- A. Chức năng xã hội.
- B. Chức năng khoa học.
- C. Chức năng giáo dục.
- D. Chức năng dự báo.

Câu 15. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Sử học là

- A. khám phá đại dương.
- B. hội nhập quốc tế.
- C. giáo dục, nêu gương.
- D. chinh phục vũ trụ.

Câu 16. Một trong những lí do cần khám phá lịch sử suốt đời là giúp mỗi người

- A. bắt kịp những công nghệ mới.
- B. làm giàu trí thức cho bản thân.
- C. hoàn thiện năng lực thẩm mỹ.
- D. hoàn thiện năng lực tính toán.

Câu 17. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống ?

- A. Góp phần hình thành lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.
- B. Giúp những người hiểu về lịch sử đều trở thành nhà sử học
- C. Đặt cơ sở cho sự ra đời của mọi ngành khoa học.
- D. Giúp giải quyết được mọi mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 18: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại?

- A. Lịch sử giúp con người hiểu rõ hơn những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế
- B. Kiến thức lịch sử giúp con người thay đổi được quá khứ để hướng tới tương lai
- C. Kiến thức lịch sử là yếu tố quyết định thành công của con người trong công việc
- D. Lịch sử là nhân tố quyết định sự phát triển khoa học kĩ thuật của một quốc gia

Câu 19. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống ?

- A. Góp phần hình thành lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.
- B. Giúp con người tránh được những sai lầm trong quá khứ.
- C. Giúp các dân tộc thu hẹp khoảng cách phân hóa giàu nghèo.
- D. Giúp phát huy những di sản quý báu trong cuộc sống hiện tại.

Câu 20: Cần học tập lịch sử suốt đời vì tri thức lịch sử

- A. liên quan và ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi sự vật, hiện tượng.
- B. chưa hoàn toàn chính xác, cần sửa đổi và bổ sung thường xuyên.
- C. rất rộng lớn và đa dạng, lại biến đổi và phát triển không ngừng
- D. giúp cá nhân hội nhập nhanh chóng vào cuộc sống hiện đại

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vì sao mà làm quốc sử? Vì sử chủ yếu là để ghi chép sự việc. Có chính trị của một đời tất phải có sử một đời. Mà ngòi bút chép sử giữ nghị luận rất nghiêm, ca ngợi đời thịnh trị thì sáng tỏ ngang với mặt trời, mặt trăng, lên án kẻ loạn tặc thì gay gắt như sương thu lạnh buốt, người thiện biết có thể bắt chước, người ác biết có thể tự răn, quan hệ đến việc chính trị không phải là không nhiều. Cho nên làm sử là cốt để cho được như thế”.

(Bài Tựa sách Đại Việt sử ký bản tục biên, Phạm Công Trứ)

- a. Bài tựa sách của Phạm Công Trứ tóm tắt lại nội dung một tác phẩm văn học.
- b. Phạm Công Trứ khẳng định việc viết quốc sử chỉ nhằm giáo dục và nêu gương.
- c. Đoạn trích cung cấp tri thức về chức năng và nhiệm vụ của Sử học.
- d. Đoạn trích phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm lịch sử.

(Nguồn: Đề minh họa của Bộ Giáo dục – Đào tạo năm 2023)

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán, do Nguyễn Trãi soạn thảo năm 1428, thay lời Lê Lợi để tuyên cáo về việc đã giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, khẳng định nền độc lập của quốc gia Đại Việt. Văn bản này vừa có giá trị đặc biệt đối với Văn học, vừa giúp các nhà sử học tìm hiểu và trình bày lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn một cách sống động, chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện.

- a. Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán vào thế kỉ XVI.
- b. Đại cáo bình Ngô là tài liệu có giá trị lớn về lịch sử, văn học và tư tưởng.
- c. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chỉ có thể được khôi phục qua Đại cáo bình Ngô.
- d. Đại cáo bình Ngô là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học.

(Nguồn: Đề minh họa của Bộ Giáo dục – Đào tạo năm 2023)

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại rằng, “đứng trước khả năng phải bắt buộc cầm súng đánh thực dân, Bác Hồ sai người đi tìm cuốn Việt Nam sử lược – khi đó là cuốn sách duy nhất biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà để trao cho các vị lãnh đạo cuộc kháng chiến

đọc. Không chỉ chí khí của người xưa mà nhiều bài học về cách đánh và cách thắng của ông cha chúng ta đem lại những tri thức rất bổ ích cho cuộc chiến đấu ở thế kỉ XX”.

(Dương Trung Quốc, *Võ Nguyên Giáp dưới góc nhìn của người viết sử*, Báo Tuổi trẻ ngày 6 – 5 – 2004)

- a. Đoạn tư liệu nhấn mạnh quan điểm của Võ Nguyên Giáp về vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân.
- b. Toàn bộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta trong thế kỉ XX chỉ có thể được khôi phục lại qua cuốn Việt Nam sử lược.
- c. Một trong những chức năng của Sử học được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là giúp thế hệ sau có nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để chiến đấu chống thực dân
- d. Chức năng xã hội của cuốn Việt Nam sử lược được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là “biên soạn mạch lạc về lịch sử nước nhà”.

Câu 4: Đọc hai đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.101)

Tư liệu 2:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

(Hồ Chí Minh, *Lịch sử nước ta*, 1942)

- a. Đoạn tư liệu 1 vừa phản ánh chức năng khoa học, vừa phản ánh chức năng xã hội của Sử học.
- b. “...việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau” phản ánh nhiệm vụ cung cấp tri thức khoa học của Sử học.
- c. Ở đoạn tư liệu 2, Hồ Chí Minh khuyến khích nhân dân ta nên tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử nước nhà.
- d. Ý nghĩa sâu xa của cả hai đoạn tư liệu là đều nhấn mạnh tầm quan trọng của tri thức lịch sử đối với một quốc gia, dân tộc.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Câu chuyện “Thôi Trữ giết vua”

Thời Chiến Quốc, Tề Trang Công bị Thôi Trữ là quan đại phu nước Tề giết chết. Thôi Trữ lệnh cho Thái sử Bá (quan chép sử) viết: “Tề Trang Công chết do bị sốt rét”, để che giấu sự thật. Thái sử Bá không chịu, kiên quyết viết rằng: “Thôi Trữ giết vua Quang (tức Tề Trang Công)”. Thôi Trữ nổi giận, giết chết Thái sử Bá.

Thái sử Bá có ba người em trai là Trọng, Thúc, Quý. Trọng và Thúc được gọi đến và cũng chép vào sách sử câu chữ đúng như người anh đã viết. Thôi Trữ lại giết Trọng và Thúc. Còn lại Quý cũng cầm lấy thẻ sách viết đúng như câu của ba người anh.

Thôi Trữ cầm sách xem, hỏi Quý: “Ba người anh của nhà ngươi đều vì câu này mà bị giết chết, lẽ nào ngươi không biết quý tiếc mạng sống của mình sao?”.

Quý ung dung đáp rằng: “Viết đúng sự thật là chức trách của quan chép sử. Nếu vì cầu sống mà làm chuyện sai trái, vậy thân ta chết còn hơn!”.

Thôi Trữ nghe xong đành trả lại thẻ sách cho Quý và không giết ông nữa.

(Theo Không Tử, *Xuân Thu tam truyện*, Tập 4, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.168 – 170)

- a. Các quan chép sử nhà Tề có hành động giống hệt nhau là viết đúng sự thật Thôi Trữ giết vua vào sử sách.
- b. Câu chuyện cho thấy nguyên tắc trung thực, khách quan trong ghi chép Sử có thể được vận dụng linh hoạt cho từng tình huống.
- c. Thái sử Bá, Thái sử Trọng có nguyên tắc ghi chép sử khác với Thái sử Thúc và Thái sử Quý.
- d. Câu chuyện có tác dụng giáo dục, nêu gương lớn đối với những người nghiên cứu lịch sử hiện nay.

CHƯƠNG II. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

BÀI 2. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

A. LÝ THUYẾT

1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

a. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

- Di sản văn hóa là những sản phẩm vật chất, tinh thần, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Kết quả nghiên cứu của Sử học khẳng định giá trị của di sản, đó là cơ sở để giữ gìn và phát huy các giá trị của các di sản.

b. Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản là hoạt động lưu giữ, bảo vệ và lan tỏa giá trị di sản thời trước để lại.
- Công tác bảo tồn, tu bổ, phục dựng di sản là nhiệm vụ thường xuyên, đảm bảo tính nguyên trạng và giá trị nổi bật của di sản.

2 Sử học với sự phát triển du lịch

a. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Các di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch thu hút du khách trong nước và quốc tế.

- Du lịch khai thác các di sản văn hóa - lịch sử giúp con người hưởng thụ giá trị di sản

b. Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá

- Du lịch chính là nguồn động lực thúc đẩy sự tăng cường bảo tồn và phát huy những giá trị di tích lịch sử-văn hóa của địa phương, dân tộc.
- Du lịch văn hóa phát triển vừa tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Di sản văn hóa là một bộ phận quan trọng của

- A. toán học B. lịch sử C. công nghệ D. kĩ thuật

Câu 2: Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có giá trị

- A. lịch sử, văn hoá. B. kinh tế, chính trị.
C. luật pháp, văn hoá. D. khoa học, công nghệ.

Câu 3: Ngành khoa học nào sau đây góp phần quan trọng trong bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Sinh vật học. B. Sử học. C. Y học. D. Giải phẫu học.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản.
B. Di sản là nguồn sử liệu cho nghiên cứu lịch sử.
C. Sử học góp phần quảng bá hình ảnh di sản tới cộng đồng.
D. Sử học góp phần xác định đúng các giá trị của mỗi di sản.

Câu 5: Các loại hình di sản văn hóa có ý nghĩa nào sau đây đối với lĩnh vực Sử học?

- A. Quyết định nhất đối với sự tồn tại và phát triển của Sử học.
B. Quyết định chính sách của Nhà nước đối với khoa học lịch sử.
C. Là nguồn tư liệu và cơ sở để nghiên cứu, tái hiện lại lịch sử.
D. Là nguồn sử liệu phi chính thống trong nghiên cứu lịch sử.

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của các loại hình di sản văn hoá đối với nghiên cứu lịch sử?

- A. Là nguồn sử liệu duy nhất để tái hiện lại lịch sử.
B. Là nguồn sử liệu phi chính thống để tham khảo.
C. Là nguồn sử liệu thành văn có giá trị khoa học cao
D. Là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản văn hóa
B. Di sản là nguồn sử liệu thành văn cho nghiên cứu lịch sử.
C. Nghiên cứu Sử học tạo cơ sở khoa học cho bảo tồn di sản.
D. Di sản quyết định trực tiếp sự tồn tại của khoa học lịch sử.

Câu 8: Giá trị lịch sử của di sản được giữ gìn thông qua việc

- A. kiểm kê. B. bảo tồn. C. xây dựng. D. làm mới.

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phải là vai trò của Sử học đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của di sản.
B. Sử học giúp xác định đúng vị trí, vai trò và ý nghĩa của di sản.
C. Sử học cung cấp thông tin phục vụ việc bảo tồn, phát huy di sản.
D. Sử học trực tiếp quyết định chính sách bảo tồn, phát huy di sản.

Câu 10: Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là phải đảm bảo tính

- A. kế thừa. B. nguyên trạng. C. tái tạo. D. nhân tạo.

Câu 11: Phát huy giá trị di sản là

- A. Giữ nguyên dạng giá trị của di sản như ban đầu.
B. Giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có.
C. Sử dụng hiệu quả giá trị của di sản trong đời sống.
D. Khắc phục tác động xấu từ bên ngoài lên di sản.

Câu 12. Cơ sở khoa học cho công tác xác định giá trị, bảo tồn và phát huy giá trị đích thực của di sản là kết quả nghiên cứu của

- A. Sử học. B. Địa lí. C. Văn học. D. Toán học.

Câu 13: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá **không** phải là hoạt động

- A. tiến hành xây mới các di tích, hiện đại hoá di tích.
B. đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc.
C. đem lại hiệu quả thiết thực phát triển kinh tế, xã hội.
D. hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

Câu 14: Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên?

- A. Là cách duy nhất để quảng bá lịch sử, văn hóa của đất nước ra bên ngoài.
B. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
C. Góp phần gìn giữ và lưu truyền di sản văn hoá phi vật thể cho thế hệ sau.
D. Giáo dục con người nhớ về cội nguồn và trách nhiệm với tổ tiên, cộng đồng.

Câu 15: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của công tác bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
B. Giúp giữ gìn và lưu truyền giá trị của di sản từ thế hệ này sang thế hệ khác.
C. Góp phần ngăn chặn tình trạng xuống cấp, biến dạng và hư hỏng của di sản.
D. Tạo nhân tố quyết định cho sự phát triển của kinh tế, xã hội của địa phương.

Câu 16: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của công tác bảo tồn các di sản thiên nhiên?

- A. Hình thành ý thức hướng về cội nguồn.
B. Giúp duy trì kỉ ức và bản sắc cộng đồng.
C. Góp phần giáo dục truyền thống yêu nước.
D. Góp phần phát triển sự đa dạng sinh học.

Câu 17: Một trong những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là

- A. Đàn ca tài tử Nam Bộ. B. Hoàng thành Thăng Long.
C. Mộc bản triều Nguyễn. D. phố cổ Hội An.

Câu 18: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là hoạt động

- A. tìm kiếm, lưu giữ và bảo vệ các giá trị di sản.
B. phát triển và lan toả các giá trị di sản.
C. lưu giữ, bảo vệ và lan toả các giá trị của di sản.
D. quy hoạch, lưu giữ và bảo vệ các di sản.

Câu 19. Ngày 24 - 11 - 2005, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg, lấy ngày 23 - 11 hàng năm là “*Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam*” nhằm giáo dục và phát huy truyền thống nào sau đây của dân tộc ta?

- A. Đoàn kết quyết tâm phấn đấu giữ vững những công trình văn hóa hiện đại.
B. Trung thực, tự tôn dân tộc và ý thức trách nhiệm của công dân toàn cầu.
C. Yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản văn hóa.
D. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong công tác tôn tạo di sản văn hóa.

Câu 20. Lĩnh vực nào sau đây đóng vai trò quan trọng trực tiếp đối với sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa?

- A. Thiên văn học. B. Y học. C. Sử học. D. Địa lí.

Câu 21. Các di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam là một thế mạnh để phát triển

- A. nông nghiệp bền vững. B. chế biến nông sản.
C. du lịch. D. lâm nghiệp.

Câu 22: Cung cấp bài học kinh nghiệm, hình thành ý tưởng để lên kế hoạch, xây dựng chiến lược phát triển ngành du lịch là một trong những vai trò của ngành nào dưới đây?

- A. Lịch sử và văn hóa. B. Văn học và lịch sử.
C. Khảo cổ và văn học D. Thiên văn và lịch sử.

Câu 23: Trong việc phát triển du lịch, yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng?

- A. Kết quả hoạt động trong quá khứ của ngành du lịch.
B. Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.
C. Những giá trị về lịch sử, văn hoá truyền thống.
D. Sự đổi mới, xây dựng lại các công trình di sản.

Câu 24: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của lịch sử - văn hóa đối với du lịch?

- A. Là di sản, tài nguyên quý giá để phát triển du lịch.
B. Tạo sức hấp dẫn to lớn để thu hút khách du lịch.
C. Giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản văn hóa.
D. Là yếu tố quyết định duy nhất sự phát triển du lịch.

Câu 25: Sự phát triển của du lịch có ý nghĩa nào sau đây đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

- A. định hướng sự phát triển của Sử học trong tương lai.
B. Xác định chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử.
C. cung cấp bài học kinh nghiệm cho các nhà sử học.
D. quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài.

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long có địa chỉ 18 Hoàng Diệu (phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội). Đây là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long (thời Lý – Trần), Đông Kinh (thời Hậu Lê) và tỉnh thành Hà Nội (thời Nguyễn)....

Hoàng thành Thăng Long được hình thành vào năm 1010, khi vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La và cho xây dựng kinh thành quy mô lớn....

Với những giá trị lịch sử, văn hóa mà công trình kiến trúc đặc biệt này mang lại, năm 2010, UNESCO đã ghi danh Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long là Di sản Văn hóa thế giới và nơi đây đã trở thành một trong những địa điểm nghiên cứu khoa học cũng như tham quan, du lịch nổi tiếng của Hà Nội.

(Tài liệu tổng hợp từ Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội)

- a. Trung tâm Hoàng thành Thăng Long là di tích lịch sử - cách mạng của nước ta đã được UNESCO ghi danh.
- b. Hoàng thành Thăng Long được hình thành vào thế kỉ XI và trở thành kinh đô của nước Đại Việt trong suốt các triều đại Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn.
- c. Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long trở thành một địa điểm du lịch nổi tiếng của Hà Nội nhờ sức hút của giá trị lịch sử, văn hóa lâu đời gắn với kinh thành hơn 1000 năm tuổi.
- d. Không chỉ phát triển du lịch, khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long còn là một nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu về văn minh Đại Việt.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Là một tỉnh ven biển miền Nam Trung Bộ, Quảng Nam có nhiều lợi thế để phát huy du lịch gắn liền với việc khai thác giá trị văn hóa của phố cổ Hội An, di sản Mỹ Sơn, nghệ thuật bài chòi. Theo báo cáo của ngành du lịch, “năm 2018, tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch đạt 6,5 triệu lượt, tăng 21,5 %; trong đó khách quốc tế đạt 3,8 triệu lượt, tăng 36,58% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu từ tham quan, lưu trú du lịch năm 2018 đạt 4.700 tỷ đồng, tăng 21,76% so với cùng kỳ năm 2017.

Qua khảo sát, tìm hiểu, các địa phương có di sản văn hóa được UNESCO vinh danh, các loại hình nghệ thuật truyền thống mang những giá trị đặc sắc đã tạo cơ sở nền tảng quan trọng để phát triển ngành du lịch, dịch vụ, thu hút du khách trong, ngoài nước, đóng góp nguồn thu lớn vào ngân sách quốc gia.

(Nguyễn Huy Phòng, *Phát huy nguồn lực di sản văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật số 417, tháng 3 – 2019)

- a. Nội dung chủ đạo của đoạn tư liệu đề cập đến vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch.
- b. Quảng Nam là một tỉnh có nhiều lợi thế để phát triển du lịch do có hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể độc đáo.
- c. Năm 2018, lượt khách quốc tế của tỉnh Quảng Nam chiếm hơn 58% tổng lượt khách tham quan, lưu trú
- d. Theo tác giả, chỉ có những địa phương có di sản văn hóa được UNESCO ghi danh hoặc có các loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc thì mới phát triển được du lịch, dịch vụ.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Di sản lịch sử - văn hóa là cầu nối quá khứ - hiện tại – tương lai. Mỗi công trình, quần thể, danh thắng đều là sản phẩm của lịch sử và là thành quả của quá trình lao động, sáng tạo lâu dài. Đó là nền tảng tinh thần và vật chất của mỗi địa phương, cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc giáo dục lịch sử, vun đắp truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới,... Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là việc làm quan trọng, cần thiết.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr.14)

- a. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là hoạt động lưu giữ, bảo vệ và lan tỏa các giá trị những di sản của thế hệ trước để lại.
- b. Trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản thuộc về hai đối tượng là các cấp chính quyền và những nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa.

c. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là việc làm quan trọng, cần thiết, vì đây là cách duy nhất để có thể quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới.

d. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản không chỉ có ý nghĩa giáo dục mà còn mang lại giá trị kinh tế - xã hội to lớn.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

(Theo Luật du lịch năm 2010)

Tư liệu 2: Du lịch là một lĩnh vực tăng trưởng tiềm năng cho nền kinh tế châu Âu, tạo ra hơn 10% GDP của EU và sử dụng lực lượng lao động khoảng hơn 10 triệu người. Các khía cạnh văn hóa chiếm khoảng 40% trong giá trị du lịch ở châu Âu. Di sản độc đáo bao gồm: bảo tàng, nhà hát, di tích khảo cổ học và các thành phố lịch sử... đã khiến châu lục này trở thành điểm du lịch chính.

(Theo Phoxit Glô – bơn Vi – da, *Di sản độc đáo của châu Âu khiến châu lục này trở thành điểm đến du lịch chính*, tháng 3/2018)

a. Điểm chung của cả hai đoạn tư liệu trên là đều đề cập đến giá trị của lịch sử - văn hóa phục vụ cho sự phát triển của ngành du lịch.

b. Luật du lịch Việt Nam năm 2010 quy định tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm cả di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

c. Theo quy định của Luật du lịch Việt Nam năm 2010 thì chùa Bái Đính (Ninh Bình), chùa Tam Chúc (Hà Nam) có thể được xếp vào tài nguyên du lịch văn hóa.

d. Theo tác giả Phoxit Glô – bơn Vi – da, tài nguyên du lịch văn hóa chiếm tỉ trọng gần như tuyệt đối trong giá trị du lịch ở châu Âu.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới từ năm 1993 nhưng quần thể di tích Cố đô Huế thường xuyên phải đối mặt với nạn xâm hại. Ngày 21 - 11 - 2017, lăng mộ của bà Trần Thị Nga - mẹ vua Dục Đức bị kẻ gian đập phá, đào bới, khiến nhiều người đau lòng. Đáng buồn hơn, trước đó, nhiều di tích, hiện vật khác như lăng Khải Định, Trường Quốc Tử Giám, bia Quốc học, Cửu vị thần công, Phu Văn Lâu, Chùa Thiên Mụ,... cũng bị tàn phá nghiêm trọng, chủ yếu là do ý thức kém của người dân cũng như khách tham quan. Theo thông tin từ Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, tổng mức đầu tư dự kiến cho dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế trong giai đoạn 2016 - 2020 lên đến 1274 tỉ đồng. Một số tiền lớn nhưng nếu xét từ mức độ xâm hại, phá hoại di tích đang diễn ra tại Huế hiện nay thì số tiền này vẫn chỉ như “muối bỏ bể”.

(Nguồn: <https://nhandan.vn/binh-luan-phe-phan/nguy-co-bien-mat-nhieu-di-tich-lich-su-311448>)

a. Với giá trị lịch sử - văn hóa lâu đời, cố đô Huế là quần thể di tích duy nhất của nước ta đã được UNESCO ghi danh.

- b. Đoạn tư liệu đưa ra những cảnh báo về nguy cơ Cố đô Huế có thể bị xâm hại ở nhiều di tích, hiện vật.
- c. “1274 tỉ đồng” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là số tiền thu được thông qua hoạt động du lịch tại Cố đô Huế và được sử dụng một phần để tu bổ, phục hồi lại di tích.
- d. Một trong những thách thức lớn đặt ra cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản cố đô Huế hiện nay là ý thức trách nhiệm kém của người dân và khách tham quan.

CHƯƠNG III. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

Bài 3. KHÁI NIỆM VĂN MINH

A. LÝ THUYẾT

1. Khái niệm văn minh

- Văn minh là trạng thái tiến bộ cả về vật chất và tinh thần của xã hội loài người ở một giai đoạn nhất định; văn minh là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.
- Các yếu tố biểu hiện của văn minh là nhà nước, đô thị, chữ viết, kỹ thuật...

2. Phân biệt khái niệm văn hóa và văn minh

- Văn hóa và văn minh đều là những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử, nhưng văn hóa và văn minh vẫn có những điểm khác nhau:
- + Văn hóa đặc trưng cho bản sắc riêng của một cộng đồng, một dân tộc để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.
- + Văn minh là trạng thái phát triển cao của văn hóa; là quá trình tích lũy sáng tạo những di sản tri thức, tinh thần, vật chất của loài người qua một quá trình lịch sử - văn hóa. Văn minh đòi hỏi sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử được gọi là

- A. văn minh B. văn hóa C. chữ viết D. nhà nước

Câu 2: Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, trạng thái phát triển cao của văn hóa được gọi là

- A. trí tuệ B. văn minh C. xã hội D. đẳng cấp

Câu 3: Nội dung nào sau đây là yếu tố cơ bản để xác định loài người bước vào thời kì văn minh?

- A. Chữ viết, nhà nước. B. Tín ngưỡng, tôn giáo. C. Công cụ bằng đá. D. Nguyên tắc công bằng.

Câu 4: Văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra

- A. trong tiến trình lịch sử. B. sau khi đã có chữ viết.
C. sau khi xuất hiện nhà nước D. trong các cuộc chiến tranh.

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa văn hóa và văn minh?

- A. Đều mang đậm bản sắc riêng của tộc người và có tính khép kín
B. Đều phản ánh những tiến bộ vượt bậc về khoa học học và kỹ thuật

- C. Đều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên
- D. Đều bắt đầu xuất hiện khi con người biết sử dụng công cụ bằng sắt

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của văn minh so với văn hóa?

- A. Văn minh ra đời trước văn hóa và hoàn toàn độc lập với văn hóa
- B. Văn minh chỉ xuất hiện khi con người biết chế tạo công cụ lao động
- C. Văn minh xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện con người trên trái đất
- D. Văn minh chỉ được sáng tạo trong thời kì phát triển cao của xã hội

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của văn minh?

- A. Có tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện là nhà nước
- B. Ra đời trước văn hóa và tồn tại độc lập với văn hóa
- C. Ra đời sau văn hóa và có liên hệ chặt chẽ với văn hóa
- D. Là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo.

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn dữ liệu sau:

Các cư dân phương Đông là người đầu tiên phát minh ra chữ viết. Sự phát triển của đời sống làm cho quan hệ của xã hội loài người trở nên phong phú và đa dạng, người ta cần ghi chép và lưu giữ những gì đã diễn ra chữ viết ra đời. Kiểu chữ viết ra đời đầu tiên ở phương Đông là chữ tượng hình - dùng những nét vẽ miêu tả vật thật. Vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, chữ viết đã xuất hiện ở Ai Cập và Lưỡng Hà.

- A. Chữ viết đã xuất hiện đầu tiên ở Ai Cập và Lưỡng Hà.
- B. Chữ viết đã xuất hiện vào khoảng thiên niên kỉ IV.
- C. Do nhu cầu tính toán trong xây dựng nên chữ viết ra đời.
- D. Chữ viết là một trong những yếu tố biểu hiện của nền văn minh.

Câu 2. Đọc đoạn dữ liệu sau:

Văn minh biểu hiện trình độ phát triển cao của nền văn hóa và đối lập với nó là dã man nguyên thủy. Khi loài người xuất hiện và biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, họ đã sáng tạo ra văn hóa. Đến thời đại kim khí nhà nước và chữ viết ra đời, nhân loại bước vào thời kỳ văn minh. Phương Đông là nơi xuất hiện những nền văn minh cổ đại lớn là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa.

- A. Văn minh là trạng thái tiến hoá, phát triển cao của nền văn hoá qua một quá trình lịch sử - văn hoá lâu dài.
- B. Chữ viết là một trong những tiêu chí đánh dấu con người bước vào thời đại văn minh.
- C. Văn minh là tổng thể những giá trị vật chất, tinh thần của xã hội, hay của một nhóm người.
- D. Văn minh ra đời trước, phát triển đến trình độ nào đó thì văn hóa ra đời.

Bài 4. VĂN MINH AI CẬP THỜI CỔ ĐẠI

A. LÝ THUYẾT

1. Những thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Chữ viết

- Khoảng hơn 5.000 năm trước đây, người Ai Cập đã sáng tạo ra chữ tượng hình sau đó triển thành chữ cái (24 chữ).
- Họ viết trên đá, xương, vải gai, da thú...về sau chủ yếu viết trên giấy pa-pi-rút.

b. Khoa học tự nhiên

** Thiên văn học và phép tính lịch*

- Người Ai Cập tính thời gian bằng đồng hồ đo bóng Mặt Trời, đồng hồ nước; biết vẽ bản đồ 12 cung hoàng đạo, biết các ngôi sao như Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ...
- Họ làm ra Dương lịch cổ: một năm có 365 ngày chia thành 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, 5 ngày còn lại dành cho lễ hội

** Toán học*

- Người Ai Cập cổ giỏi về Số học và Hình học: phát minh số đếm thập phân, giải phương trình bậc nhất, tính diện tích các hình, tìm ra số $\pi = 3,16$.

** Y học*

- Sớm hiểu biết về cơ thể con người, hiểu được nguyên nhân của bệnh tật, chuyên môn hóa việc chữa bệnh.
- Tục ước xác đã sử dụng những kiến thức về giải phẫu, hóa học...

** Kỹ thuật*

- Biết chế tạo ra con lăn, cần trục, bơm nước, đóng thuyền lớn đi biển, chế tạo vũ khí, làm ra thủy tinh màu, ứng dụng hóa học trong luyện kim...

c. Kiến trúc và điêu khắc.

** Kiến trúc*

- Xây dựng nhiều công trình kì vĩ, đồ sộ, trường tồn với thời gian: nổi bật là các kim tự tháp, các đền thờ thần linh...

** Điêu khắc*

- Đạt đến trình độ cao, nổi bật nhất là các phù điêu trang trí đền đài, lăng mộ và nghệ thuật tạc tượng (pha-ra-ông, nữ hoàng, hoàng hậu, nhân sư...)

2. Ý nghĩa những thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại

- Đánh dấu sự sáng tạo kì diệu, sức mạnh phi thường của con người trong quá trình chinh phục tự nhiên và phát triển xã hội.
- Đây là một trong những cái nôi đầu tiên của văn minh nhân loại, để lại nhiều giá trị lịch sử sâu sắc.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành và phát triển gắn với con sông nào sau đây?

- A. Trường Giang. B. Hoàng Hà. C. Sông Hằng. D. Sông Nin.

Câu 2: Nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mỹ

Câu 3: Cư dân Ai Cập cổ đại đã sớm tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ

- A. La – tinh B. Hán Nôm C. tượng hình D. Quốc ngữ

Câu 4: Nội dung nào sau đây là nguồn gốc dẫn đến sự xuất hiện sớm của chữ viết ở Ai Cập thời kì cổ đại?

- A. Nhu cầu ghi chép và lưu trữ những gì đã diễn ra
- B. Nhu cầu của sản xuất nông nghiệp đúng thời vụ
- C. Nhu cầu sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật
- D. Nhu cầu đo đạc lại ruộng đất theo định kì hàng năm

Câu 5: Sự ra đời của chữ viết Ai Cập thời kì cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Phản ánh trình độ tư duy cao của cư dân Ai Cập.
- B. Tạo cơ sở cho sự ra đời của chữ La – tinh sau này.
- C. Tạo cơ sở để cư dân Ai Cập cổ đại hội nhập quốc tế.
- D. Phản ánh sự phát triển cao độ của nhà nước chuyên chế.

Câu 6: Thành tựu về lĩnh vực nào sau đây của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xây dựng kim tự tháp?

- A. Tôn giáo.
- B. Toán học.
- C. Tín ngưỡng.
- D. Chữ viết.

Câu 6: Những thành tựu về toán học của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng rộng rãi trong việc

- A. sáng tác văn học
- B. hội nhập quốc tế
- C. đo đạc ruộng đất
- D. phân chia đẳng cấp

Câu 7: Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời sớm của ngành lịch pháp và thiên văn ở Ai Cập cổ đại là do

- A. nhu cầu sản xuất trong nông nghiệp.
- B. nhu cầu tính toán trong xây dựng
- C. nhu cầu ghi chép và lưu trữ thông tin.
- D. nhu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng

Câu 8: Yếu tố nào sau đây thúc đẩy sự ra đời sớm của những tri thức toán học ở Ai Cập cổ đại?

- A. Nhu cầu sáng tác văn học nghệ thuật
- B. Nhu cầu tính toán trong xây dựng
- C. Nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp
- D. Nhu cầu phát triển thương nghiệp

Câu 9: Kỹ thuật ướp xác là một trong những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Thiên văn
- B. Y học
- C. Văn học
- D. Kiến trúc

Câu 10: Kim tự tháp là công trình kiến trúc tiêu biểu của nền văn minh cổ đại nào sau đây?

- A. La Mã.
- B. Trung Quốc.
- C. Hy Lạp.
- D. Ai Cập.

Câu 11: Đối với thế giới, những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện trí tuệ và sự sáng tạo vĩ đại của cư dân Ai Cập
- B. Tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Ai Cập sau này
- C. Tạo cơ sở cho sự phát triển văn minh nhân loại trên nhiều mặt
- D. Chứng tỏ sự phát triển rực rỡ và toàn diện của văn minh Ai Cập

Câu 12: Những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại thời kì cổ - trung đại đều

- A. đóng góp cho sự phát triển của văn minh thế giới
- B. ảnh hưởng sâu rộng đến văn minh Đông Nam Á
- C. tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Hi Lạp
- D. tạo cơ sở thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa phát triển

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Kheops là đại kim tự tháp, lớn nhất Ai Cập. Qua thời gian, nó từng bị tàn phá và hư hỏng, bề mặt và kích thước thay đổi một phần. Kim tự tháp này được làm từ hơn 2,3 triệu khối đá, mỗi khối nặng từ 2 tới 30 tấn, một số nặng hơn 50 tấn.... Kim tự tháp là lăng mộ của pharaoh, ẩn chứa những thông tin về tôn giáo, tín ngưỡng, phản chiếu đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người Ai Cập cổ đại. Cho đến nay, nó vẫn chưa thực sự được khám phá và giải mã hoàn toàn.

Kim tự tháp Ai Cập phản ánh trí tuệ, năng lực của con người cổ đại trong hành trình chinh phục thiên nhiên và xây dựng những thành tựu văn minh. Các khám phá về kim tự tháp đã gợi mở những tri thức khoa học phong phú và khơi gợi niềm cảm hứng sáng tạo bất tận cho con người (điện ảnh, thời trang, hội họa, kiến trúc,...).

(Sách giáo viên *Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr.53)

- a. Kheops là kim tự tháp lớn nhất của Ai Cập, còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay.
- b. Những tri thức về toán học là một trong những cơ sở giúp cư dân Ai Cập có thể xây dựng kim tự tháp Kheops.
- c. Điểm khác biệt của kim tự tháp Kheops so với các kim tự tháp khác ở Ai Cập thể hiện ở chỗ, đây chính là lăng mộ của nhà vua.
- d. Hiện nay, kim tự tháp vừa là đối tượng nghiên cứu, vừa là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều ngành khoa học, nghệ thuật.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Người Ai Cập cổ đại viết chữ trên giấy pa – pi – rút, người Lưỡng Hà cổ đại viết trên các phiến đất sét ướt rồi đem nung hoặc phơi khô. Người Trung Quốc lại khắc chữ trên các mai rùa, xương thú hoặc thẻ tre. Đến đời Thương, chữ viết của người Trung Quốc mới ra đời. Loại chữ đầu tiên này khắc trên mai rùa và xương thú, được phát hiện lần đầu tiên vào năm 1899 và được gọi là văn tự giáp cốt....

Cho đến nay, người ta đã phát hiện được hơn 100 000 mảnh mai rùa và xương thú có khắc chữ giáp cốt. Tổng số chữ giáp cốt đã phát hiện khoảng 4500 chữ, trong đó đã đọc được 1700 chữ. Chữ giáp cốt đã ghép được những đoạn văn tương đối dài, có đoạn lên tới 100 chữ.

(Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hưởng, *Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa Lịch sử lớp 10 Trung học phổ thông*, NXB Giáo dục, 2009, tr. 17)

- a. Chữ giáp cốt là một thành tựu về văn học của người Trung Quốc thời cổ đại.
- b. Người Ai Cập, người Lưỡng Hà và người Trung Quốc đều sáng tạo ra được chữ viết riêng của mình.
- c. Chữ viết của người Ai Cập, Lưỡng Hà và Trung Quốc thời cổ đại lúc đầu được viết trên các chất liệu giấy khác nhau.
- d. Hiện nay, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được rất nhiều chữ giáp cốt và các tác phẩm văn học đồ sộ viết bằng chữ giáp cốt.

Bài 5. VĂN MINH TRUNG HOA THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

A. LÝ THUYẾT

1. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Chữ viết

- Từ thời nhà Thương (thế kỉ XVI-XII TCN) họ đã sáng tạo ra chữ tượng hình, sau đó cải tiến và thống nhất dần để định hình chữ viết ngày nay.
- Chữ viết được khắc trên mai rùa, xương thú (chữ Giáp cốt), khắc trên đồ đồng, thẻ tre, lụa...

b. Văn học, nghệ thuật

*** Văn học**

- Văn học có nhiều thể loại như: thơ ca, từ, phú, kịch, tiểu thuyết. Phát triển nhất là phú và nhạc thời Hán, thơ thời Đường, từ thời Tống, kịch thời Nguyên, tiểu thuyết thời Minh – Thanh...
- Có giá trị nghệ thuật cao, phản ánh mọi mặt của xã hội Trung Quốc thời bấy giờ.

*** Nghệ thuật**

- Kiến trúc: coi trọng sự hài hòa với tự nhiên, sự đối xứng, trật tự và chiều sâu trong bố cục của các công trình xây dựng. Tiêu biểu: kinh đô Trường An, Vạn lý Trường Thành, Lăng Ly Sơn, Cố cung Bắc Kinh...
- Điêu khắc: phong phú các tượng tròn, các phù điêu và các chạm trổ trên đồ đồng, đồ ngọc, ấn chương, đá quý.
- Hội họa: phong phú với các đề tài về: đời sống cung đình, tôn giáo, phong cảnh, người, sinh hoạt dân gian... được vẽ trên lụa, giấy, tường.
- Âm nhạc: Trung Quốc được mệnh danh là “*đất nước của nhạc lễ*” với bộ Kinh Thi là bộ thơ ca ra đời sớm, gồm 3 phần: Phong, Nhã, Tung.

c. Sử học

- Thời cổ đại Trung Quốc đã có những ghi chép mang nội dung lịch sử; thời Tây Chu, Đông Chu đã có cơ quan chuyên phụ trách việc chép sử. Những tác phẩm tiêu biểu có *Xuân Thu*, *Tả truyện*, *Chiến quốc sách*, *Lã thị Xuân Thu*, *Sử ký*...
- Thời Đường cơ quan biên soạn lịch sử nhà nước được thành lập (Sử quán), biên soạn 24 bộ sử lớn...

d. Khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp

*** Toán học**

- Thời Chu, toán là một trong sáu môn mà con em quý tộc phải học. Thời Tây Hán trở đi, xuất hiện các sách về toán học như: *Chu bản toán kinh*, *Cửu chương toán thuật*..
- Thời Nam – Bắc triều, nhà toán học Tổ Xung Chi đã tìm ra số Pi chính xác gồm bảy số...

*** Thiên văn học và lịch pháp**

- Thiên văn học: sớm có hiểu biết về thời tiết, khí hậu, nhật thực, nguyệt thực...
- Lịch pháp: tạo ra lịch, hệ thống 10 Thiên can, 12 Địa chi...

*** Y học**

- Có nhiều bộ sách y dược: *Thần nông bản thảo kinh*, *Bản thảo cương mục*...
- Có nhiều thầy thuốc nổi tiếng như Biển Thước, Hoa Đà, Lý Thời Trân...nghiên cứu về bệnh lí, phương pháp chữa trị (châm cứu, bấm huyệt).

* *Các phát minh kỹ thuật:*

- Có 4 phát minh quan trọng (tứ đại phát minh): kỹ thuật làm giấy, in và thuốc súng, la bàn...thúc đẩy sự phát triển của lịch sử Trung Quốc và được truyền bá, ứng dụng rộng rãi trên thế giới.

e. Tư tưởng, tôn giáo

* *Các thuyết Âm dương, Bát quái, Ngũ hành*

- Người Trung Hoa cổ đại đã tìm cách giải thích nguồn gốc của thế giới, đúc kết thành các thuyết *Âm dương, Bát Quái, Ngũ hành*...ảnh hưởng lớn đến tư tưởng triết học Trung Quốc.

* *Nho gia*

- Do Khổng Tử sáng lập. Nội dung bao hàm về triết học, đạo đức, đường lối trị nước và giáo dục. – Là tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến ở Trung Quốc.

* *Pháp gia*

- Do Quản Trọng khởi xướng. Nội dung chủ trương dùng pháp luật để quản lý đất nước

* *Mặc gia*

- Do Mặc Tử sáng lập. Nội dung thuyết Kiêm ái, phản đối chiến tranh xâm lược

* *Đạo gia và Đạo giáo*

- Do Lão Tử khởi xướng. Nội dung được hình thành trên cơ sở tín ngưỡng dân gian và học thuyết Đạo gia.

2. Ý nghĩa lịch sử của văn minh cổ-trung đại Trung Hoa.

- Phản ánh sức lao động sáng tạo phi thường của nhân dân Trung Hoa; thể hiện sinh động quá trình phát triển của xã hội Trung Quốc qua hàng ngàn năm lịch sử.

- Những thành tựu văn minh Trung Hoa ảnh hưởng rộng lớn ra các quốc gia láng giềng và góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển của văn minh nhân loại.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Sự hình thành và phát triển của nền văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại gắn liền với con sông nào sau đây?

- A. Sông Ấn B. Sông Hoàng Hà C. Sông Nin D. Sông Hằng

Câu 2: Nền văn minh Trung Hoa cổ - trung đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mỹ

Câu 3: Một trong những chữ viết cổ do người Trung Quốc sáng tạo ra là

- A. chữ Nôm B. chữ Phạn C. chữ Kim văn D. chữ La – tinh

Câu 4: Chữ tượng hình của người Trung Hoa khắc trên mai rùa, xương thú được gọi là

- A. Chữ Tiểu triện B. Chữ Đại Triện
C. Chữ Lệ thư D. Chữ Giáp cốt

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm về chữ viết của cư dân Trung Hoa thời kỳ cổ - trung đại?

- A. Tiếp thu sáng tạo thành tựu chữ viết bên ngoài
B. Ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên thế giới
C. Tạo nền tảng cho hệ chữ viết La – tinh ngày nay

D. Chữ viết nhiều lần được chỉnh lý và phát triển

Câu 6: Chữ viết của văn minh Trung Quốc ảnh hưởng sâu sắc đến chữ viết của quốc gia nào sau đây?

A. Ấn Độ B. Ai Cập C. Việt Nam D. Hi Lạp

Câu 7: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị là những tác giả văn học nổi tiếng của văn minh Trung Hoa với thể loại nào sau đây?

A. Tiểu thuyết B. Thơ Đường C. Truyện ngắn D. Phóng sự

Câu 8: Loại hình văn học nào sau đây ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ dưới thời kì Minh – Thanh?

A. Tiểu thuyết chương hồi B. Ca dao, tục ngữ

C. Truyện ngắn, phóng sự D. thơ ca, phú, kịch

Câu 9: “Tứ đại danh tác” của nền văn học Trung Quốc thời Minh, Thanh là

A. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Liêu trai chí dị.

B. Tây du ký, Thủy hử, Đông Chu liệt quốc, Tam quốc diễn nghĩa.

C. Tây du ký, Kim Vân Kiều, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.

D. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.

Câu 10: Tác phẩm văn học nào sau đây của Trung Quốc là một bộ tổng hợp thơ ca dân gian, đồng thời là một trong năm bộ kinh điển của Nho giáo?

A. Tây du kí B. Hồng lâu mộng C. Kinh Thi D. Thủy hử

Câu 11: Văn học Trung Hoa có ảnh hưởng sâu sắc đến văn học của châu lục nào sau đây?

A. Châu Âu B. Châu Phi C. Châu Mỹ D. Châu Á

Câu 12: Trung Quốc là nơi khởi nguồn của tôn giáo nào sau đây?

A. Phật giáo B. Đạo giáo C. Hồi giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 13: Học thuyết nào sau đây đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ quân chủ chuyên chế ở Trung Quốc?

A. Đạo giáo B. Phật giáo C. Nho giáo D. Hồi giáo

Câu 14: Trong quá trình tồn tại và phát triển, văn minh Trung Quốc đã tiếp thu Phật giáo từ quốc gia nào sau đây?

A. Ấn Độ B. Ai Cập C. Hi Lạp D. La Mã

Câu 15: Hệ tư tưởng Nho giáo của Trung Hoa có ảnh hưởng sâu sắc đến quốc gia nào sau đây?

A. Rô – ma B. Nhật Bản C. Ai Cập D. La Mã

Câu 16: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của hệ tư tưởng Nho giáo của nền văn minh Trung Hoa?

A. Tạo cơ sở phát triển cho nền văn minh phương Tây.

B. Nền tảng tư tưởng của chế độ quân chủ Trung Hoa.

C. Thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thương nghiệp.

D. Tạo cơ sở cho sự phát triển của khoa học kĩ thuật.

Câu 17: Thập Tam Lăng, Tử Cấm Thành là những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Toán học B. Kiến trúc C. Văn học D. Kĩ thuật

Câu 18: Thành tựu nào sau đây của Trung Quốc là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Thất Luồng. B. Vạn lý trường thành.
C. Kim tự tháp. D. Đền Pác tê nông

Câu 19: “Sử dụng hệ số đếm thập phân, tính được diện tích các hình phẳng” là thành tựu của văn minh Trung Hoa trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kiến trúc B. Điêu khắc C. Toán học D. Y học

Câu 20: Một trong những phát minh lớn về kỹ thuật của người Trung Hoa thời cổ đại là

- A. máy tính điện tử. B. kỹ thuật in. C. động cơ hơi nước. C. động cơ điện.

Câu 21: Phát minh kỹ thuật nào sau đây của người Trung Hoa có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành hàng hải?

- A. La bàn. B. Thuốc súng. C. Kỹ thuật in. D. Làm giấy.

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho bảng dữ kiện về một số thành tựu tiêu biểu về chữ viết và tư tưởng – tôn giáo của văn minh Ấn Độ và Trung Hoa thời kì cổ - trung đại

	Văn minh Ấn Độ	Văn minh Trung Hoa
Chữ viết	- Chữ Bra – mi, chữ San – krit (Phạn) - Ảnh hưởng đến chữ viết của nhiều quốc gia như Thái Lan, Lào, Cam – pu – chia	- Chữ Giáp cốt, Tiểu triện, Đại triện, Lệ thư, Khải thư... - Ảnh hưởng đến chữ viết của nhiều nước lân cận như Nhật Bản, Việt Nam...
Tư tưởng, tôn giáo	Là nơi ra đời nhiều tôn giáo lớn như Hin – đu giáo, Phật giáo, đồng thời cũng là nơi du nhập và phát triển của Hồi giáo	Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia, Phật giáo...

a. Ấn Độ và Trung Hoa vừa là quê hương của một số tôn giáo lớn, vừa là nơi du nhập và phát triển tôn giáo từ bên ngoài.

b. Khác với văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Độ là một nền văn minh mang đậm tính tôn giáo huyền bí và khép kín.

c. Chữ viết của cư dân Ấn Độ và Trung Hoa đều có ảnh hưởng đến chữ viết của cư dân một số nước ở khu vực châu Á.

d. Từ loại hình chữ viết cổ nhất, cư dân Ấn Độ và Trung Hoa đều có sự chỉnh lý và phát triển chữ viết của mình ngày càng hoàn thiện.

Bài 6. VĂN MINH ẤN ĐỘ THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

A. LÝ THUYẾT

1. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Chữ viết và văn học

* *Chữ viết*

- Đầu tiên là kí tự cổ, sau đó là chữ cổ Brami → cơ sở để tạo ra chữ Phạn (chữ San-xcrit) về sau chữ Hin-đi được sáng tạo và trở thành chữ viết chính thức hiện nay.

** Văn học*

- Văn học đặc sắc, phản ánh đời sống tinh thần phong phú. Tác phẩm cổ xưa nhất là *kinh Vệ-đa*, sử thi *Ma-ha-bha-ra-ta*, sử thi *Ra-ma-y-a-na*.
- Từ thế kỉ V, kịch thơ chữ Phạn phát triển và xuất hiện nhiều tác phẩm viết bằng chữ Hin-đi.

b. Nghệ thuật

** Kiến trúc*

- Phong phú, đặc sắc, mang đậm yếu tố tôn giáo
- + Kiến trúc Phật giáo đặc trưng là tháp, chùa, trụ đá...
- + Kiến trúc Hin-đu đặc trưng là các đền tháp nhọn nhiều tầng...
- + Kiến trúc Hồi giáo đặc trưng là các Thánh đường, lăng mộ hoàng gia...

** Điêu khắc*

- Tạc tượng các pho tượng Phật, các bức phù điêu chạm trổ trên các bức tường của chùa, đền, thánh đường, lăng mộ...

c. Khoa học tự nhiên

** Thiên văn học*

- Đã tạo ra lịch một năm có 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, sau 5 năm thêm tháng nhuận.
- Họ nhận thức được Trái Đất, Mặt Trăng có hình cầu; phân biệt được 5 hành tinh Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

** Toán học*

- Sáng tạo ra hệ số 10 chữ số, tìm ra được số 0
- Tính được căn bậc 2, bậc 3, diện tích các hình, tính được số Pi

** Vật lí*

- Nêu ra thuyết Nguyên tử, biết được sức hút của Trái Đất.

** Hóa học*

- Ra đời và phát triển do nhu cầu của các nghề thủ công như nhuộm, thuộc da, xà phòng, thủy tinh

** Y học*

- Đã biết sử dụng thuốc tê, thuốc mê, biết phẫu thuật, sử dụng thảo mộc trong chữa bệnh...

d. Tôn giáo và tư tưởng

** Tôn giáo*

- Bà La Môn là tôn giáo cổ xưa nhất của Ấn Độ, giáo lí dựa theo kinh Vệ-đa, thờ các vị thần tối cao như Bra-ma, Vis-nu, Si-va..
- Hin-đu giáo (Ấn Độ giáo) ra đời trên cơ sở Bà La Môn, trở thành tôn giáo chủ yếu của người Ấn.
- Phật giáo xuất hiện vào thế kỉ VI TCN chủ trương không phân biệt đẳng cấp, tránh ác làm thiện
- Ấn Độ có rất nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác: đạo Giai-nơ, đạo Sích, Ki-tô giáo, Do Thái giáo...

** Triết học*

- Các trào lưu triết học Ấn Độ đề cập đến nhiều vấn đề như quan niệm về vũ trụ, nhân sinh, tư duy, tình cảm..

* *Tư tưởng*

- Chịu ảnh hưởng lớn của nhiều tôn giáo. Đặc sắc nhất là tư tưởng giải thoát.

2. Ý nghĩa lịch sử của nền văn minh Ấn Độ.

- Để lại nhiều giá trị độc đáo, biểu đạt tâm hồn và trí tuệ phong phú, tạo nên bản sắc và niềm tự hào dân tộc Ấn Độ.

- Văn minh Ấn Độ đã lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng những giá trị ưu việt, nhân văn ra các nước xung quanh, nhất là khu vực Đông Nam Á.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Kỹ thuật ướp xác là một trong những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Thiên văn B. Y học C. Văn học D. Kiến trúc

Câu 2: Nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại được hình thành ở lưu vực con sông nào sau đây?

A. Sông Hằng B. Sông Nin C. Sông Hoàng Hà D. Sông Trường Giang

Câu 3: Nền văn minh Ấn Độ cổ - trung đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mỹ

Câu 4: Cư dân Ấn Độ đã sớm tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ

A. La – tinh B. Hán C. Phạn D. Nôm

Câu 5: Chữ viết của Ấn Độ có ảnh hưởng sâu sắc đến chữ viết của nhiều quốc gia ở khu vực

A. Đông Nam Á B. Đông Bắc Á C. Mĩ La – tinh D. Đông Nam Âu

Câu 6: Sự ra đời của chữ viết đã tạo cơ sở cho nền văn minh Ấn Độ phát triển rực rỡ trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Kiến trúc B. Điêu khắc C. Tín ngưỡng D. Văn học

Câu 7: Tác phẩm nào sau đây **không** phải thành tựu văn học của Ấn Độ thời cổ - trung đại?

A. Kinh Vệ - đà. B. Tây du kí.
C. Ra – ma – y – a - na. D. Ma – ha – bha – ra - ta.

Câu 8: Phật giáo có nguồn gốc từ quốc gia nào sau đây?

A. Mianma. B. Ấn Độ. C. Anh. D. Pháp.

Câu 9: Tôn giáo nào sau đây **không** được khởi nguồn từ Ấn Độ?

A. Hồi giáo. B. Phật giáo. C. Hin-đu giáo. D. Bà La Môn giáo.

Câu 10: Tôn giáo nào sau đây ra đời ở Ấn Độ, do Thích Ca Mâu Ni khởi xướng?

A. Hồi giáo. B. Phật giáo. C. Hin-đu giáo. D. Bà La Môn giáo.

Câu 11: Trong quá trình tồn tại và phát triển, văn minh Ấn Độ đã du nhập tôn giáo nào sau đây từ bên ngoài?

A. Hồi giáo. B. Phật giáo. C. Hin-đu giáo. D. Bà La Môn giáo.

Câu 12: Loại hình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại là

A. pháo đài B. lăng mộ C. chùa hang D. thánh đường

Câu 13: Lăng ta – giờ Ma – han, Pháo đài Đỏ là những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Văn học B. Y học C. Toán học D. Kiến trúc

Câu 14: Phát minh ra chữ số tự nhiên và số 0 là thành tựu nổi bật của nền văn minh nào sau đây?

A. Ai Cập. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Lưỡng Hà.

Câu 15: “Tính được căn bậc 2 và bậc 3, tính được diện tích các hình tiêu biểu” là thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Kiến trúc B. Điêu khắc C. Y học D. Toán học

Câu 16: Ấn Độ là quê hương của những tôn giáo lớn nào sau đây?

A. Phật giáo, Đạo giáo. B. Phật giáo, Hin-đu giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. D. Phật giáo, Hồi giáo.

Câu 17: Văn hoá truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng rõ nét nhất ở khu vực nào sau đây?

A. Đông Bắc Á. B. Trung Đông. C. Đông Nam Á. D. Tây Á.

Câu 18. Cư dân quốc gia cổ đại nào sau đây đã phát minh ra chữ số 0?

A. Ai Cập. B. Trung Quốc. C. Ấn Độ. D. La Mã.

Câu 19: Thành tựu nào sau đây của Ấn Độ là di sản văn hóa thế giới?

A. Lăng Ta – giờ Ma - han B. Vạn lí trường thành.
C. Kim tự tháp. D. Hoàng thành Thăng Long

Câu 20. Nội dung nào sau đây là đặc điểm chung của các nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

A. Theo chế độ quân chủ lập hiến B. Hình thành gắn với các dòng sông lớn
C. Xây dựng được nhiều kim tự tháp D. Hình thành gắn với các cuộc chiến tranh

Câu 21: Lĩnh vực nào sau đây của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại có ảnh hưởng lớn đến Việt Nam?

A. Y học. B. Tư tưởng. C. Kiến trúc. D. Sử học.

Câu 22: Đến nay, thành tựu thuộc lĩnh vực nào sau đây của cư dân Ấn Độ từ thời cổ đại còn được ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học?

A. Toán học. B. Kỹ thuật in. C. Văn học. D. Sử học.

Câu 23: Những thành tựu của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại đều

A. đóng góp cho sự phát triển của văn minh thế giới
B. ảnh hưởng sâu rộng đến văn minh Đông Nam Á
C. tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Hi Lạp
D. tạo cơ sở thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa phát triển

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong số các đền chùa của các tôn giáo như Bà – la – môn giáo, Phật giáo, Giai – na giáo, chùa hang là một loại công trình đặc biệt của Ấn Độ thời cổ - trung đại, thường là những công trình nghệ thuật kết hợp kiến trúc với điêu khắc, hội họa. Tiêu biểu cho loại công trình này là những gian chùa hang ở A – gian – ta được kiến tạo từ thế kỉ II TCN

đến thế kỉ VIII. Phương pháp kiến tạo loại chùa này là khoét sâu vào vách núi đá, có nhiều cột chống và được trang trí bằng nhiều bức chạm tinh vi và những tranh bích họa rất đẹp.

(Theo Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1991, tr.81)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về thành tựu của văn minh Ấn Độ trên các lĩnh vực tôn giáo, kiến trúc và điêu khắc.
- b. Bà – la – môn giáo, Phật giáo, Giai – na giáo là những tôn giáo được du nhập từ bên ngoài và nhanh chóng phát triển mạnh mẽ ở Ấn Độ.
- b. Chùa hang là một loại công trình kiến trúc tiêu biểu của Ấn Độ thuộc dòng kiến trúc tôn giáo.
- c. Một trong những yếu tố làm nên giá trị đặc sắc của chùa hang là sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật kiến trúc với nghệ thuật điêu khắc và hội họa.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Vào thế kỉ VIII, người Ả Rập nhờ dịch tác phẩm Sít – han – ta mà học tập được chữ số Ấn Độ. Từ Ả Rập, hệ thống chữ số này được truyền sang châu Âu, do đó những chữ số này thường bị gọi nhầm là chữ số Ả Rập. Tư liệu sớm nhất về những chữ số này là các bia đá của A – xô – ca khắc từ thế kỉ III TCN. Tuy nhiên, con số 0 được thấy sớm nhất trong một tài liệu Ả rập năm 873, sau đó 3 năm mới thấy trong tài liệu Ấn Độ. Mặc dầu vậy, người ta vẫn cho rằng, số 0 cũng do người Ấn Độ sáng tạo.

(Theo Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1991, tr.81)

- a. Việc sáng tạo ra hệ thống chữ số tự nhiên là một thành tựu nổi bật của văn minh Ấn Độ trên lĩnh vực Toán học.
- b. Hệ thống chữ số tự nhiên được cư dân Ấn Độ sáng tạo ra vào khoảng thế kỉ VIII.
- c. Dựa trên các tư liệu lịch sử, hiện nay, hầu hết ý kiến đều cho rằng chữ số 0 là do người Ả Rập sáng tạo nên.
- d. Chữ số tự nhiên được sáng tạo từ phương Đông, sau đó được lan truyền rộng rãi sang phương Tây.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sử thi Ra – ma – y – a – na có ảnh hưởng lớn ở các quốc gia Đông Nam Á. Hầu như mỗi nước đều có một phiên bản Ra – ma – y – a – na được bản địa hóa: truyện Ra – ma – kiền của Thái Lan; truyện Ra – ma – y – a – na của In – đô – nê – xi – a; kịch Ra – ma của Mi – an – ma; trường ca Riêm Kê của Cam – pu – chia; trường ca Phạ - lặc Phạ - lam và Xỉn – xay của Lào; truyện Ra – ma – y – a – na, Dạ Thoa Vương của Việt Nam.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ chân trời sáng tạo, tr. 34)

- a. Đoạn tư liệu phản ánh sự phát triển văn học Đông Nam Á theo nhiều dòng văn học khác nhau.
- b. Sử thi Ra – ma – y – a – na là một tác phẩm văn học tiêu biểu của văn minh Ai Cập thời kì cổ đại.
- c. Sử thi Ra – ma – y – a – na có ảnh hưởng tới văn học dân gian của một số quốc gia Đông Nam Á

d. Trường ca Phạ - lắ Phạ - lam chính là bản chuyển thể nguyên vẹn sử thi Ra – ma – y – a – na từ chữ Phạn sang chữ Lào cổ.

Bài 7. VĂN MINH HY LẠP – LA MÃ THỜI CỔ ĐẠI

A. KÝ THUYẾT

1 Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Chữ viết

- Người Hy Lạp cổ đại dựa trên bảng chữ cái của người Phê-ni-xi tạo nên hệ thống 24 chữ cái.
- Người La Mã tiếp thu chữ cái Hy Lạp tạo thành chữ La tinh (26 mẫu tự) và họ còn tạo ra chữ số La Mã.

b. Văn học

*** Thần thoại**

- Phong phú với các câu chuyện về các vị thần, giải thích sự hình thành vũ trụ, sự đấu tranh trong thế giới muôn loài.
- Các nhân vật trong thần thoại Hy Lạp mang hình hài và đời sống tình cảm như con người.

*** Thơ ca và văn xuôi**

- Lấy kho tàng thần thoại làm chất liệu
- Sử thi I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-me, truyện ngụ ngôn Ê-dốp rất nổi tiếng.

*** Kịch**

- Phát triển mạnh trên hai thể loại: bi kịch và hài kịch
- Kịch thường được biểu diễn tại các nhà hát ngoài trời.

c. Nghệ thuật

*** Kiến trúc**

- Sáng tạo nhiều công trình kiến trúc như nhà hát, sân vận động, đấu trường, đặc biệt là đền thờ các vị thần.
- Các công trình tiêu biểu: đền Pác-tơ-nông, đền thờ thần Dớt, đấu trường Cô-li-dê...

*** Điêu khắc**

- Thể hiện khát vọng vươn tới sự hoàn hảo trong vẻ đẹp hình thể của con người, đạt được tính chuẩn xác trong tạo hình.
- Tiêu biểu như: tượng thần Vệ nữ thành Mi-lô, lực sĩ ném đĩa, thần Dớt và các bức phù điêu.

d. Thiên văn học, lịch pháp

- Xuất hiện thuyết Nhật tâm, tính được chu vi của Trái Đất...
- Làm ra lịch Giu-li-an dần hoàn thiện trở thành Công lịch (Dương lịch) ngày nay.

e. Khoa học tự nhiên

- Tiếp thu nhiều tri thức của người Lưỡng Hà, Ai Cập rồi khái quát hóa thành nhiều định lý, định luật, định đề trong tất cả các lĩnh vực như toán học, vật lý, y học...
- Các nhà khoa học tiêu biểu như Ta-lét, Pi-ta-go, Ô-c-lit, Ác-si-mét, Hi-pô-crát...

g. Tư tưởng, tôn giáo

*** Tư tưởng**

- Hy Lạp là "*quê hương của triết học phương Tây*" với nhiều quan điểm, học thuyết khác nhau.

- Các triết gia tiêu biểu: Ta-lét, Hê-ra-clit, Đê-mô-crit, Xô-crat, Pla-tôn, A-rit-xtot...

* *Tôn giáo*

- Hy Lạp và La Mã cổ đại đều theo tín ngưỡng đa thần...

- Đến thế kỉ IV, Cơ Đốc giáo (Ki-tô giáo) được công nhận quốc giáo của đế quốc La Mã.

h. Thể thao

- Từ thế kỉ VIII TCN, tổ chức Thế vận hội Ô-lim-pic (4 năm 1 lần) nhằm tôn vinh các vị thần.

- Các môn thi đấu gồm: đấu vật, chạy, đua ngựa...người chiến thắng được vinh danh và nhận vòng nguyệt quế.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Nói đến nền văn minh cổ đại phương Tây là nói đến nền văn minh của

A. Trung Quốc. B. Hy Lạp- La Mã. C. Ấn Độ. D. Ai Cập.

Câu 2: Cư dân đầu tiên xây dựng nền văn minh cổ Hy Lạp là người

A. Mi-nô-an. B. I-ta-li-ôt. C. A-kê –an. D. Ê-tơ-ru-Xơ.

Câu 3: Hệ chữ cái A, B, C và hệ chữ số La Mã (I, II, III,...) là thành tựu của cư dân cổ

A. Ấn Độ. B. Lưỡng Hà. C. Trung Quốc. D. Hy Lạp – La Mã.

Câu 4: Văn học phương Tây hình thành trên cơ sở nền văn học cổ đại đồ sộ của

A. Đức. B. Anh. C. Hy Lạp - La Mã. D. Pháp.

Câu 5: Đây là những thể loại tạo nguồn cảm hứng và phong phú cho nền văn học cổ đại Hy Lạp –La Mã?

A. Thần thoại, thơ, văn xuôi, kịch. B. Kí sự, thần thoại, truyện cười.

C. Văn học dân gian, truyện ngắn. D. Tiểu thuyết, thơ ca, kịch.

Câu 6: Trong nghệ thuật, người Hy Lạp – La Mã cổ đại đã đạt được những thành tựu rực rỡ trong lĩnh vực nào dưới đây?

A. Xây chùa. B. Kiến trúc. C. Sân khấu. D. Dân gian.

Câu 7: Đền Pác –tê-nông, đền thờ thần Dớt, đấu trường Cô-li-dê... là những thành tựu của người Hy Lạp – La Mã cổ đại trên lĩnh vực

A. kiến trúc. B. điêu khắc. C. hội họa. D. xây dựng.

Câu 8: Thành tựu tính lịch 1 năm có 365 ngày và $\frac{1}{4}$ ngày là thành quả rất lớn của người

A. Hy Lạp. B. La Mã. C. Ai Cập. D. Trung Quốc.

Câu 9: Tôn giáo cổ xưa nhất và được coi là chính thống giáo của người Hy Lạp - La Mã cổ đại là

A. Phật giáo. B. Nho giáo.

C. Cơ Đốc giáo (Ki-tô giáo). D. Hin-đu giáo.

Câu 10: Năm 776 TCN, tại đền thờ thần Dớt ở Ô-lim-pi-a (Hy Lạp) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Chính quyền La Mã chính thức công nhận Cơ Đốc giáo.

B. Các cuộc đấu tranh của nô lệ và dân nghèo bùng nổ.

C. Đại hội thể thao Pa-na-thê-nai-a tại A-ten.

D. Đại hội Ô-lim-píc theo định kì 4 năm 1 lần.

Câu 11: Người Hi Lạp cổ đại đã có hiểu biết về Trái Đất và hệ Mặt Trời như thế nào?

A. Trái Đất có hình đĩa dẹt và Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.

B. Trái Đất có hình quả cầu tròn và Mặt Trời chuyển động quanh Trái Đất.

C. Trái Đất có hình quả cầu tròn và Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.

D. Trái Đất có hình đĩa dẹt và Mặt Trời chuyển động quanh Trái Đất.

Câu 12: Đây là đặc điểm nổi bật của quá trình hình thành và phát triển của triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại?

A. Gắn liền với cuộc đấu tranh giữa hai trường phái chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

B. Hy Lạp – La Mã là quê hương của triết học phương Tây với nhiều nhà triết học nổi tiếng.

C. Là nền tảng cho nhiều thành tựu về tư tưởng, tri thức phương Tây thời cận và hiện đại.

D. Ra đời và phát triển trong bối cảnh các cuộc đấu tranh của nô lệ và dân nghèo diễn ra mạnh mẽ.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng nhất ý nghĩa to lớn những cống hiến về khoa học, kĩ thuật của người Hy Lạp – La Mã cổ đại?

A. Đặt nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ của các ngành khoa học, kĩ thuật của thế giới sau này.

B. Là cơ sở để các nhà khoa học có tên tuổi phát huy tài năng của mình cống hiến cho nhân loại.

C. Từ đây những hiểu biết có từ hàng ngàn năm trước mới thực sự trở thành ngành khoa học.

D. Mở ra những hiểu biết mới về tri thức mà trước đây con người chưa biết hoặc còn mơ hồ.

Câu 14: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng điểm khác biệt về cơ sở hình thành văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại so với nền văn minh cổ đại phương Đông?

A. Cư dân của các quốc gia cổ tập trung ven lưu vực các con sông lớn.

B. Cư dân các quốc gia cổ tập trung trên các bán đảo thuộc Nam Âu.

C. Ngành kinh tế chủ đạo của cư dân cổ là thủ công nghiệp và thương nghiệp.

D. Cư dân cổ xây dựng nên các nhà nước đầu tiên theo thể chế cộng hòa dân chủ chủ nô.

Câu 15: So với nền văn hóa cổ đại phương Đông thì nền văn hóa cổ đại phương Tây được đánh giá là

A. có nhiều nhà khoa học lớn và có nhiều lĩnh vực được nghiên cứu hơn.

B. tất cả các lĩnh vực văn hóa đều đạt trình độ hoàn hảo và có giá trị cao.

C. hình thành muộn hơn nhưng có tính chính xác và hiểu biết cao hơn.

D. đều hình thành cùng thời gian nhưng văn hóa phương Đông phát triển cao hơn.

II. Câu trắc nghiệm đúng – sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau

« Hy Lạp và La Mã là hai nền văn minh cổ ở khu vực Địa Trung Hải, phát triển kế tiếp nhau có nhiều thành tựu rực rỡ, đặc sắc. Văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ đại tạo dựng

nền tảng quan trọng cho sự phát triển của văn hóa châu Âu ở những thời kì sau, để lại nhiều dấu ấn trong dòng chảy của lịch sử nhân loại ».

(SGK Lịch sử 10, bộ CTST, trang 39)

- a. Ở Địa Trung Hải xuất hiện hai nền văn minh cổ đại Hy Lạp và La Mã.
- b. Nền tảng của văn minh châu Âu ngày nay là văn minh Hy Lạp – La Mã.
- c. Văn minh Hy Lạp và La Mã ra đời sớm hơn văn minh Phương Đông và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ.
- d. Văn minh Hy Lạp – La Mã làm nền tảng cho sự phát triển của văn minh Trung Quốc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau :

“Đại hội Ô-lim-pic là lễ hội nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ đại, được tổ chức bốn năm một lần. Theo truyền thuyết, thần Hê-ra-clét tổ chức lễ hội lần đầu tiên vào năm 776 TCN để tôn vinh cha mình là thần Dớt. Các cuộc tranh tài thể thao ở Ô-lim-pic theo tinh thần “Nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn”. Những người chiến thắng cuộc chiến được đội trên đầu một vòng hoa nguyệt quế và cầm trên tay một cành lá ô liu thể hiện khát vọng hòa bình. Một trong những nghi lễ quan trọng là lễ rước đuốc. Thế vận hội An-tuốc (Bi) tổ chức năm 1920 có thêm kỳ nghi lễ kéo lá cờ thể vận hội với năm vòng tròn có năm màu sắc khác nhau. Đến nay, thế giới đã tổ chức hơn 30 lần Thế vận hội mùa Hè và hơn 20 lần Thế vận hội mùa Đông để tiếp nối tinh thần thượng võ của Đại hội Ô-lim-pic, phát triển tinh thần đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc”.

(SGK Lịch sử 10, bộ CTST, trang 44)

- a. Thế vận hội Ô-lim-pic được tổ chức lần đầu tiên vào năm 776 TCN.
- b. Vòng hoa Nguyệt quế là biểu tượng của thế vận hội Ô-lim-pic và được trao cho tất cả các vận động viên tham gia thi đấu.
- c. Mục đích tổ chức đại hội Ô-lim-pic là để phát triển tinh thần đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc.
- d. Biểu tượng trên lá cờ của thế vận hội có năm vòng tròn và năm màu sắc tượng trưng cho sự đoàn kết của năm châu lục.

BÀI 8. VĂN MINH THỜI PHỤC HƯNG

A. LÝ THUYẾT

1. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Tư tưởng

- Trào lưu tư tưởng nổi bật là "chủ nghĩa nhân văn" (humanisme): lên án, đả kích giai cấp phong kiến, chống các quan điểm phản khoa học, đề cao tự do cá nhân...
- Mang nhiều điểm tiến bộ, hướng tới tách triết học ra khỏi thần học...

b. Văn học

- Truyền bá tư tưởng nhân đạo, ca ngợi tình yêu, sự tự do, đấu tranh lên án những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ
- Có nhiều tác phẩm về thơ, tiểu thuyết, kịch nổi tiếng. Tiêu biểu như: thơ *Thần khúc*, *Cuộc đời mới* (Đan-tê), truyện *Mười ngày* (Bô-ca-xiô), *Đôn Ki-hô-tê* (Xéc-van-téc), kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, *Hăm-lét* (Sếch-xpia).

c. Nghệ thuật

* *Hội họa và điêu khắc*: mượn chủ đề tôn giáo nhưng mang tính hiện thực.

- *Hoạ sĩ nổi tiếng*: Lê-ô-na đờ Vanh-xi, Mi-ken-lăn-giơ, Ra-pha-en.

* *Kiến trúc*: được phục hồi theo trường phái cổ điển: giáo đường, dinh thự, lâu đài.

- Thể hiện giá trị nhân văn, khao khát tự do, tự tưởng nhân đạo, ca ngợi tình yêu, sự tự do..

d .Khoa học kĩ thuật, thiên văn học

**Toán học, vật lí, y học*: đạt nhiều thành tựu: thuyết hình học giải tích, nghiên cứu về áp suất khí quyển, thuật giải phẫu, tuần hoàn máu...

* *Kĩ thuật*: có nhiều tiến bộ trong lĩnh vực dệt, khai khoáng, luyện kim, chế tạo vũ khí, hàng hải

* *Thiên văn học*: có nhiều thành tựu quan trọng, đặt nền móng cho thiên văn học hiện đại.
Tiêu biểu: Cô-péc-ních, Bru-nô, Ga-li-lê.

2. Ý nghĩa của văn minh Phục hưng

- Văn minh Phục hưng kế thừa và phát huy những giá trị nhân bản của các nền văn minh trước, đặt nền tảng về văn hóa tinh thần, góp phần biến đổi xã hội, chuẩn bị cho thời kỳ xác lập và phát triển củ chủ nghĩa tư bản.

- Di sản văn minh Phục hưng góp phần làm giàu kho tàng di sản văn minh nhân loại, tạo nên bản sắc văn hóa châu Âu đương đại.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Ý không phản ánh đúng nguyên nhân xuất hiện của phong trào Văn hóa Phục hưng là

A. ý thức hệ phong kiến và giáo lí của Giáo hội Cơ Đốc mang nặng những quan điểm lỗi thời.

B. tầng lớp tư sản mới ra đời có thể lực về kinh tế xong lại chưa có địa vị xã hội tương ứng.

C. con người bước đầu có những nhận thức khoa học về bản chất của thế giới xung quanh.

D. sự xuất hiện trào lưu Triết học Ánh sáng thế kỉ XVIII đã tạo tiền đề cho phong trào.

Câu 2: Lê-ô-na đờ Vanh-xi là một nhà danh họa, nhà điêu khắc nổi tiếng nhất trong thời kỳ văn hóa

A. cổ đại Hy Lạp - La Mã.

B. Phục hưng đầu cận đại.

C. phương Tây hiện đại.

D. phương Đông cổ đại.

Câu 3: Giai cấp tư sản khởi xướng phong trào Văn hóa Phục hưng với mục đích quan trọng nhất là gì?

A. Khôi phục tinh hoa văn hóa của Hi Lạp – La Mã cổ đại.

B. Chống lại tư tưởng, văn hóa lạc hậu của Giáo hội Kitô và phong kiến.

C. Đề cao giá trị con người, quyền tự do cá nhân và tri thức khoa học.

D. Xây dựng nền văn hóa mới, phù hợp của giai cấp tư sản.

Câu 4: Phong trào văn hóa Phục hưng được hiểu là

A. khôi phục lại những gì đã mất của văn hóa phương Đông cổ đại.

B. khôi phục lại tinh hoa văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông.

C. phục hưng lại các giá trị văn hóa của nền văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại.

D. phục hưng giá trị văn hóa Hy Lạp-La Mã cổ và sáng tạo nền văn hóa mới của giai cấp tư sản.

Câu 5: Nội dung nào **không** phản ánh đúng những nội dung cơ bản của phong trào văn hóa Phục hưng?

- A. Lên án, đả kích Giáo hội Cơ Đốc và giai cấp thống trị phong kiến.
- B. Đòi quyền tự do cá nhân và đề cao giá trị con người, tinh thần dân tộc.
- C. Giải phóng con người khỏi trật tự, lễ giáo phong kiến thối nát.
- D. Đề cao nội dung và giáo lí Cơ Đốc giáo và tư tưởng phong kiến.

Câu 6: Phong trào Văn hóa Phục hưng có tác dụng đích thực gì đối với châu Âu thời hậu kỳ Trung đại?

- A. Cổ vũ và mở đường cho văn minh Tây Âu phát triển cao hơn sau này.
- B. Cổ vũ và mở đường cho văn hóa phương Tây phát triển cao hơn sau này.
- C. Cổ vũ và mở đường cho văn hóa I-ta-li-a phát triển mạnh mẽ.
- D. Cổ vũ và mở đường cho văn hóa Đức phát triển cao hơn.

Câu 7: Vì sao phong trào Văn hóa Phục hưng được đánh giá là một “*Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại*”?

- A. Là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên giai cấp tư sản chống thế lực phong kiến suy tàn.
- B. Mở ra những vùng đất mới, con đường mới và những dân tộc mới.
- C. Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.
- D. Thúc đẩy quá trình khủng hoảng, tan rã của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

Câu 8: Nội dung nào lí giải **không** đúng nguyên nhân khiến Italia trở thành quê hương của phong trào văn hóa Phục hưng?

- A. Italia là quê hương của nền văn minh Rô-ma cổ đại do đó còn lưu giữ được nhiều di sản văn hóa.
- B. Sự phát triển về kinh tế ở Italia đã tạo điều kiện vật chất cho những tiến bộ của tri thức và nghệ thuật.
- C. Tại một số thành thị của Italia, giai cấp tư sản nắm chính quyền và tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống Giáo hội Cơ Đốc.
- D. Italia là nơi giao thoa của các nền văn hóa Đông - Tây, có điều kiện tiếp thu những trào lưu văn hóa mới.

Câu 9: Phong trào văn hóa Phục hưng được đánh giá là

- A. một cuộc cách mạng trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của tầng lớp quý tộc và tầng lớp.
- B. cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của tầng lớp quý tộc chống lại giai cấp tư sản đang lên.
- C. bước tiến kì diệu của văn minh phương Tây sau gần một ngàn năm chìm đắm trong “đêm trường trung cổ”.
- D. cuộc cách mạng văn hóa, có ý nghĩa mở đường cho sự phát triển của văn minh phương Đông ở những thế kỉ sau đó.

Câu 10. Phong trào Văn hoá Phục hưng (thế kỉ XIV - XVII) đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

- A. khoa học tự nhiên.
- B. kinh tế và văn hoá.
- C. văn học, nghệ thuật.
- D. chính trị và lịch sử.

Câu 11. Ph. Ăng-ghe-nhê nhận định “Văn hoá Phục hưng” là

- A. một cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại. B. một cuộc tấn công lên trời.
C. cuộc cách mạng về chính trị. D. cuộc đấu tranh về văn hoá, tư tưởng.

Câu 12. Văn hoá Phục hưng đã đề cao vấn đề nào dưới đây?

- A. Khoa học, nhân văn. B. Giá trị nhân bản, nhân văn.
C. Giá trị nhân bản và tự do. D. Độc lập và tự do.

Câu 13. Phong trào Văn hoá Phục hưng được biết đến nhiều nhất bởi những thành tựu lớn lao trong lĩnh vực

- A. âm nhạc. B. mỹ thuật. C. triết học. D. văn học.

Câu 14. Qua những tác phẩm văn học, nghệ thuật thời Phục hưng, giai cấp tư sản đã nghiêm khắc lên án

- A. giai cấp tư sản. B. trật tự phong kiến.
C. giáo hội Thiên Chúa giáo. D. vua quan phong kiến.

Câu 15. Thời đại Văn hoá Phục hưng đã chứng kiến sự tiến bộ vượt bậc của lĩnh vực nào?

- A. Văn học, nghệ thuật. B. Khoa học xã hội và nhân văn.
C. Khoa học - kỹ thuật. D. Tư tưởng văn hoá.

Câu 16 Thuyết Nhật tâm của N. Cô-pec-ních khẳng định

- A. Trái Đất tự quay xung quanh nó và quay xung quanh Mặt Trời.
B. Trái Đất tự quay xung quanh Mặt Trời.
C. Trái Đất tự quay xung quanh Mặt Trăng.
D. Trái Đất tự quay xung quanh nó và quay xung quanh Mặt Trăng.

Câu 17: Nhà soạn kịch vĩ đại W. Sếch-xpia đã viết nhiều vở bi, hài kịch nổi tiếng nhằm

- A. phê phán những lối sống tiêu cực trong xã hội.
B. phản ánh đời sống xã hội đầy biến động.
C. kế thừa và phát huy những giá trị văn minh tiêu biểu.
D. đấu tranh vì quyền con người.

Câu 18. Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài được mệnh danh là những người

- A. vĩ đại. B. thông minh.
C. xuất chúng. D. không lồ.

II. Câu trắc nghiệm đúng – sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Khoa học kỹ thuật thời Phục hưng đạt được nhiều thành tựu, tiêu biểu là thuyết Nhật tâm gắn với

Cô pec nic, Bruno, Galilei. Những thành tựu của văn minh thời Phục hưng không những đã thúc đẩy sự phát triển khoa học mà thực sự là một cuộc cách mạng trong lĩnh vực tư tưởng. Văn minh thời Phục hưng là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên của giai cấp tư sản tấn công vào chế độ phong kiến và Giáo hội.

a. Về khoa học - kỹ thuật, văn minh thời Phục hưng đạt được nhiều thành tựu như thuyết Nhật tâm của Cô pec nic, Bruno, Galilei, chế tạo vũ khí.

- b. Tiếp nối nền văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ đại, văn minh phục hưng đã đặt cơ sở cho khoa học hiện đại.
- c. Văn minh thời Phục hưng có tính cách mạng, lên án chế độ phong kiến, đề cao quyền tự do của con người.
- d. Văn minh thời Phục hưng do giai cấp tư sản khởi xướng, mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

CHƯƠNG IV. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 9. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

A. LÝ THUYẾT

1. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

- 1773: Giôn-Cay phát minh ra “thoi bay” → năng suất tăng gấp đôi.
 - 1764: Giêm Ha-gri-vơ chế tạo ra máy kéo sợi Gien-ni
 - 1779: Crôm-ton cải tiến máy kéo sợi → sợi nhỏ, đẹp, bền hơn
 - 1785: Các-rai chế tạo ra máy dệt chạy bằng sức nước → năng suất tăng 40 lần
 - 1784: Giêm-oát chế ra máy hơi nước → khởi đầu cho quá trình công nghiệp hoá
- => Máy hơi nước ra đời → hoạt động sản xuất, giao thông vận tải phát triển

2. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

- Khởi đầu là các phát minh về điện:
 - + 1832: Pi-xi chế tạo ra máy phát điện đầu tiên
 - + 1876: Gra-ham Beo chế tạo ra điện thoại đầu tiên
- => Thúc đẩy việc sử dụng năng lượng điện vào sản xuất
- Dầu mỏ được phát hiện → thúc đẩy công nghiệp dầu khí, cung cấp nhiên liệu cho các ngành công nghiệp
 - Giao thông vận tải có bước phát triển:
 - + 1885: công ty Đại-lơ đi đầu trong lĩnh vực phát triển ô tô, sử dụng nhiên liệu dầu mỏ
 - + 1860: phát minh ra động cơ đốt trong
 - + Đầu tk XX, máy bay ra đời → cách mạng trong giao thông vận tải.

3. Ý nghĩa và tác động của cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

a. Kinh tế

- Thúc đẩy quá trình thị trường hoá nền kinh tế và xã hội hoá sản xuất.
- Giải phóng sức lao động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người

b. Xã hội

- Thúc đẩy quá trình đô thị hoá
- Dân số tăng nhanh, cơ cấu xã hội thay đổi (tư sản và vô sản)
- Sự bóc lột của giai cấp tư sản → vô sản đấu tranh → tiền đề của CMXHCN

c. Văn hoá

- Thúc đẩy quan hệ quốc tế, giao lưu và kết nối văn hoá toàn cầu
- Đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao
- Hình thành lối sống, tác phong công nghiệp

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào giữa thế kỉ XVIII, khởi đầu ở nước

- A. Anh. B. Mỹ. C. Đức. D. Pháp.

Câu 2: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất chủ yếu diễn ra ở khu vực nào sau đây?

- A. Châu Á và châu Âu B. Châu Âu và Bắc Mỹ
C. Châu Á và châu Phi D. Châu Phi và Mỹ Latinh

Câu 3: Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là việc phát minh ra

- A. máy bay B. ô tô C. máy hơi nước D. máy tính

Câu 4: Việc phát minh ra máy hơi nước cuối thế kỉ XVII đã

- A. thúc đẩy sự phát triển của ngành giao thông vận tải.
B. khiến máy móc thay thế hoàn toàn lao động tay chân.
C. thúc đẩy tự động hóa trong quá trình sản xuất vật chất.
D. tạo tiền đề cho sự ra đời của ngành công nghệ thông tin.

Câu 5: Cuối thế kỉ XVIII, phát minh nào sau đây đã khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở nước Anh?

- A. Máy tính điện tử B. Trí tuệ nhân tạo
C. Máy hơi nước D. Động cơ điện

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất trong lĩnh vực giao thông vận tải?

- A. Xuất hiện lò luyện quặng theo phương pháp mới
B. Sự ra đời và hoàn thiện của động cơ đốt trong
C. Sự phát triển mạnh của ô tô và ngành hàng không
D. Sự xuất hiện của tàu thủy chạy bằng hơi nước

Câu 7: Sự ra đời của máy hơi nước cuối thế kỉ XVIII gắn liền với công lao to lớn của

- A. Giêm Oát B. Giôn Ba – bơ C. Xti – phen – xon D. Các – ben

Câu 8: Nội dung nào sau đây phản ánh thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất trong lĩnh vực luyện kim?

- A. Xuất hiện lò luyện quặng theo phương pháp mới
B. Sự ra đời và hoàn thiện của động cơ hơi nước
C. Sự phát triển mạnh của ô tô và ngành hàng không
D. Sự xuất hiện của chiếc đầu máy xe lửa đầu tiên

Câu 9: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, phát minh kĩ thuật nào sau đây đã tạo ra bước chuyển căn bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa?

- A. Động cơ đốt trong. B. Máy điện tín
C. Máy tính điện tử. D. Máy hơi nước.

Câu 10: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, Rô-bốt Phon-ton đã chế tạo thành công

- A. máy tính điện tử. B. tàu thủy chạy bằng hơi nước.
C. hệ thống máy tự động. D. động cơ điện xoay chiều

Câu 11: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra ở châu Âu và Bắc Mỹ là quá trình

- A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa các nước tư bản châu Âu.
- B. hình thành hai giai cấp cơ bản là tư sản và công nhân.
- C. cơ khí hóa nền sản xuất thay thế cho lao động thủ công.
- D. hình thành nền tảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản.

Câu 12: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, Xti-phen-xon đã chế tạo thành công

- A. đầu máy xe lửa.
- B. động cơ hơi nước.
- C. máy tính điện tử.
- D. bóng đèn điện.

Câu 13: Động cơ đốt trong được phát minh trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất có ý nghĩa

- A. thúc đẩy cơ giới hoá sản xuất.
- B. khởi đầu quá trình công nghiệp hoá.
- C. giúp liên lạc ngày càng thuận tiện.
- D. mở đầu thời kì sản xuất hàng loạt.

Câu 14: Việc phát minh ra lò luyện quặng theo phương pháp mới trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã mang lại tác dụng nào sau đây?

- A. Thúc đẩy việc ứng dụng điện vào cuộc sống.
- B. Thúc đẩy sự phát triển của ngành cơ khí chế tạo
- C. Dẫn đến sự ra đời và phát triển của động cơ học.
- D. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Câu 15: Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX là

- A. ứng dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất.
- B. sử dụng điện năng với sự ra đời của dây chuyền sản xuất hàng loạt.
- C. sử dụng năng lượng hơi nước và cơ giới hóa quá trình sản xuất.
- D. quy trình sản xuất được tối ưu hóa trên nền tảng công nghệ số.

Câu 16: Nhận xét nào sau đây là đúng về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất từ nửa sau thế kỉ XVIII?

- A. Đánh dấu bước chuyển của nhân loại từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp
- B. Những phát minh về khoa học đã tạo tiền đề trực tiếp dẫn đến những phát minh về kĩ thuật
- C. Sự xuất hiện của sản xuất hàng loạt theo dây chuyền và tiêu chuẩn hóa các loại hàng hóa
- D. Tự động hóa cao độ trong sản xuất hàng hóa bằng cách sử dụng rộng rãi máy tính điện tử

Câu 17: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được khởi đầu ở một trong những quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc
- B. Nhật Bản
- C. Đức
- D. Ấn Độ

Câu 18: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được tiến hành trong khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI
- B. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

B. Cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII D. Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX

Câu 19: Quốc gia nào sau đây ở châu Âu đã khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai?

A. Mĩ B. Pháp C. Nhật Bản D. Trung Quốc

Câu 20: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã sử dụng rộng rãi nhiều nguồn năng lượng vào sản xuất công nghiệp, **ngoại trừ**

A. than đá. B. điện. C. hạt nhân. D. dầu mỏ.

Câu 21: Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là việc phát minh ra

A. máy điện tín B. thiết bị điện tử C. máy hơi nước D. máy tính

Câu 22: Nội dung nào sau đây phản ánh thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai trong lĩnh vực giao thông vận tải?

A. Xuất hiện lò luyện quặng theo phương pháp mới
B. Sự ra đời và hoàn thiện của sản xuất dây chuyền
C. Sự phát triển mạnh của ô tô và ngành hàng không
D. Sự xuất hiện của tàu thủy chạy bằng hơi nước

Câu 23: Việc phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã mang lại tác dụng nào sau đây?

A. thúc đẩy việc ứng dụng điện vào cuộc sống.
B. thúc đẩy sản lượng thép thế giới tăng nhanh
C. dẫn đến sự ra đời và phát triển của động cơ học.
D. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Câu 24: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, Thô – mát Ê – đi - xon đã phát minh ra

A. bóng đèn điện. B. động cơ hơi nước.
C. máy tính điện tử. D. linh kiện bán dẫn.

Câu 25: Những phát minh về điện trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã

A. tạo cơ sở trực tiếp cho sự ra đời của công nghiệp chế tạo ô tô và máy bay
B. mở ra khả năng ứng dụng nguồn năng lượng mới vào cuộc sống và sản xuất
C. thúc đẩy mạnh mẽ quá trình khu vực hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới
D. đưa nhân loại bước sang một nền văn minh mới: văn minh hậu công nghiệp

Câu 26: Thành tựu nào sau đây đã được ra đời từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và tiếp tục được cải tiến, ứng dụng rộng rãi trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai?

A. máy hơi nước B. động cơ đốt trong
C. máy tính điện tử D. thiết bị điện tử

Câu 27: Nội dung nào sau đây là điểm khác biệt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai so với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

A. Các phát minh máy móc đều dựa trên sự cải tiến công cụ sẵn có
B. Tự động hóa cao độ bằng cách sử dụng rộng rãi máy tính điện tử
C. Những phát minh khoa học là cơ sở cho những phát minh kĩ thuật
D. Mở rộng cao độ phạm vi, khả năng khám phá, chinh phục vũ trụ

Câu 28: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, phát minh nào sau đây đã đánh dấu sự ra đời của ngành hàng không thế giới?

- A. Ô tô B. Động cơ điện C. Máy điện tín D. Máy bay

Câu 29: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, phát minh nào sau đây giúp cho việc liên lạc ngày càng trở nên thuận tiện hơn?

- A. Động cơ đốt trong B. Động cơ điện C. Máy điện tín D. Máy hơi nước

Câu 30: Nhận xét nào sau đây là đúng về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai từ nửa sau thế kỉ XIX?

- A. Đánh dấu bước chuyển từ nền sản xuất thủ công, manh mún sang nền sản xuất cơ khí hóa
B. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào trong sản xuất ngày càng được rút ngắn
C. Sự xuất hiện của sản xuất hàng loạt theo dây chuyền và tiêu chuẩn hóa các loại hàng hóa
D. Tự động hóa cao độ trong sản xuất hàng hóa bằng cách sử dụng rộng rãi máy tính điện tử

Câu 31. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh B. Hình thành các trung tâm công nghiệp.
C. Dẫn đến sự ra đời của giai cấp tư sản D. Thúc đẩy quá trình liên kết khu vực

Câu 32. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.
B. Nhiều trung tâm công nghiệp mới hình thành.
C. Thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp.
D. Giải quyết triệt để mâu thuẫn trong xã hội tư bản.

Câu 33: Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đã dẫn đến sự hình thành hai giai cấp

- A. tư sản và vô sản. B. tư sản và tiểu tư sản.
C. nông dân và công nhân. D. nông dân và địa chủ

Câu 34: Một trong những ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với kinh tế là

- A. thúc đẩy sự tăng trưởng của công nghiệp.
B. hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản.
C. hình thành lối sống, tác phong công nghiệp.
D. thúc đẩy giao lưu, kết nối văn hoá toàn cầu.

Câu 35. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

- A. Hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là tư sản và vô sản.
B. Góp phần thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp và giao thông vận tải.
C. Nâng cao năng suất lao động và làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản.
D. Làm tiền đề dẫn đến sự bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu.

Câu 36. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại về mặt văn hóa?

- A. Dẫn đến sự hình thành các lực lượng xã hội mới.
- B. Thúc đẩy sự giao lưu và kết nối văn hoá toàn cầu.
- C. Tạo động lực cho sự tăng trưởng của công nghiệp.
- D. Tạo ra sự dịch chuyển trong tỉ lệ cư dân thành thị

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sản lượng thép của các nước:

Nước	Năm 1880 (Triệu tấn)	Năm 1900 (Triệu tấn)	Tỉ lệ tăng (%)
Anh	1,3	4,9	377
Mỹ	1,2	10,2	850
Đức	0,7	6,4	910

Năm 1860, Anh và Pháp đứng đầu và thứ hai trong nền sản xuất công nghiệp thế giới, nhưng đến năm 1913, Mỹ và Đức lại chiếm hai vị trí đó.

(Theo Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr.230,286)

- a. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sản lượng thép của các nước tư bản tăng lên nhanh chóng là nhờ những tiến bộ kĩ thuật trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
- b. Từ năm 1860 đến năm 1913, vị thế trong sản xuất công nghiệp của các nước Anh, Pháp, Mĩ, Đức trên thế giới có sự thay đổi.
- c. Anh, Mỹ, Đức đều là những quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai nhưng tốc độ tăng trưởng trong ngành sản xuất thép không đồng đều.
- d. Từ năm 1880 đến năm 1900, tốc độ tăng trưởng sản lượng thép của nước Đức gấp hơn 9 lần tốc độ tăng trưởng sản lượng thép của nước Anh.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Làn sóng công nghiệp hóa, mức tăng dân số cao, quá trình đô thị hóa tăng tốc đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt các nước tư bản phương Tây những năm đầu thế kỉ XX. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, khoảng gần 50% dân số các nước phương Tây sống trong các đô thị. Những tòa nhà chọc trời bắt đầu được xây dựng như một biểu trưng cho sự phồn vinh của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mà Mĩ là nước đi đầu. Năm 1885, tòa nhà 10 tầng đầu tiên được xây dựng ở Chicagô, sau đó là tòa nhà cao 57 tầng được khánh thành ở New York năm 1913. Xã hội công nghiệp dần dần hình thành trong lòng các nước tư bản phương Tây giàu có và thật sự khẳng định ưu thế, sức mạnh của nó đối với phần còn lại của thế giới.

(Trần Thị Vinh, *Chủ nghĩa tư bản lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 – 2020)*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 81)

- a. Đoạn tư liệu phản ánh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX về mặt xã hội.
- b. Sự phát triển nhanh chóng của nền sản xuất vật chất cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã kéo theo những biến đổi quan trọng trong cơ cấu dân cư các nước tư bản chủ nghĩa.
- c. Đầu thế kỉ XX, do sự suy giảm của nông nghiệp và sự phát triển của công nghiệp, dân

số sống trong các đô thị ở phương Tây đã chiếm một nửa tổng dân số đất nước

d. Sự xuất hiện của các trung tâm kinh tế như Chicagô, New York là hệ quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở các nước phương Tây cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Từ thập niên 1780 trở đi, động cơ hơi nước đã được sử dụng ở các nhà máy. Những xưởng nấu sắt sử dụng máy hơi nước để chạy máy bơm hơi, giúp cho các lò cao có đầy đủ sức gió; các mỏ than đá dùng máy hơi nước để chạy máy bơm hút nước từ các hầm lò lên, ngành dệt dùng máy hơi nước để tạo ra động lực chuyển các công cụ. Năm 1785, người ta đã biết dùng máy hơi nước trong các xưởng dệt len nỉ. Năm 1789, người ta dùng máy hơi nước trong xưởng dệt vải. Chúng đã đạt được công suất từ 6 đến 20 mã lực, lớn hơn bất kì cối xay gió hay những guồng nước lớn nhất, đáng tin cậy hơn và được lắp đặt ở bất kì đâu. Đến năm 1800, toàn nước Anh đã có 321 cỗ máy hơi nước, với tổng công suất 5210 mã lực. Đến năm 1825 tăng lên 15000 cỗ máy hơi nước với tổng công suất 375000 mã lực.

(Lưu Tộ Xương, Quang Nhân Hồng, Hàn Thừa Văn, *Lịch sử thế giới cận đại (1640 – 1900)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2002, tr.108)

- a. Động cơ hơi nước là một trong những phát minh tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
- b. Động cơ hơi nước bắt đầu được sử dụng trong các nhà máy từ cuối thế kỉ XVII.
- c. Không chỉ được ứng dụng trong các lĩnh vực sản xuất vật chất, động cơ hơi nước còn được ứng dụng rộng rãi trong các ngành luyện kim, khai mỏ.
- d. Trong vòng 25 năm (1800 – 1825), tổng số máy hơi nước của nước Anh đã tăng hơn 46 lần.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sự săn sóc duy nhất của giai cấp tư sản đối với công nhân là pháp luật. Chúng dùng để đối phó khi công nhân bức chúng quá, cũng như đối với động vật không lí tính, chúng chỉ có một công cụ giáo dục đối với công nhân, tức là cái roi, tức là sức mạnh thô bạo. Không thể thuyết phục mà chỉ khiến họ sợ hãi. Vì vậy, không lấy gì làm lạ là những người công nhân bị đối xử như súc vật, nếu không thực sự trở thành súc vật thì chỉ có thể giữ được ý thức là tình cảm của con người nhờ cái lòng căm thù sôi sục và nổi phẫn khích không gì tắt được đối với giai cấp tư sản cầm quyền.

(Ph. Ăng – ghen, *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, NXB Sử học, Hà Nội, 1962, tr.20)

- a. “Tình cảnh giai cấp công nhân Anh” của Ăng – ghen là một tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu cuối thế kỉ XIX.
- b. Giai cấp tư sản và công nhân là hai giai cấp đồng minh, được hình thành từ các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.
- c. Trong xã hội tư bản, giai cấp công nhân bị tư sản áp bức bóc lột nặng nề thông qua pháp luật hà khắc và sức mạnh thô bạo.
- d. Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp công nhân và tư sản đã tạo ra những tiền đề dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản.

Bài 10. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI

A. LÝ THUYẾT

1. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

- Thành tựu ở lĩnh vực khoa học cơ bản: Toán, Vật lí, Hoá, Sinh ...
- Sáng tạo công cụ sản xuất mới, năng lượng mới, vật liệu mới.
- Tiến bộ trong giao thông vận tải, thông tin liên lạc và chinh phục vũ trụ.
- Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.
- Sự phát triển công nghệ thông tin, hình thành mạng máy tính toàn cầu. Đưa loài người sang nền "văn minh thông tin".

2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

a. Bối cảnh lịch sử

- Thế kỉ XXI, quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, thúc đẩy sự hợp tác cùng phát triển giữa các quốc gia trên toàn thế giới.
 - Khó khăn: Ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số, dịch bệnh, chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia
- => Cần có một cuộc cách mạng mới trong thập niên thứ 2 của thế kỉ XXI
- *Đặc điểm:* Sử dụng trí tuệ nhân tạo để điều khiển và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

b. Thành tựu tiêu biểu

- Công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh với các yếu tố cốt lõi là: Trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT), dữ liệu lớn (Big Data).
- Công nghệ IoT với hàng loạt hệ thống cảm biến và đầu đo được áp dụng trong nhiều lĩnh vực.
- Y tế: cỗ máy IBM Oát xơn.
- Vật lí có người máy thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái, công nghệ nano...
- Tự động hoá sử dụng sự điều khiển máy móc ... giảm sự can thiệp của con người.

3. Ý nghĩa và tác động của cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

a. Kinh tế

- Thay đổi lực lượng sản xuất và tăng cao năng suất lao động....
- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra một thế giới kết nối. Lao động trí tuệ trở thành yếu tố quan trọng nhất trong sản xuất, là động lực chủ yếu tạo nên sự phát triển.
- Tiêu cực: nguy hiểm đối với cuộc sống con người, đặc biệt là an ninh, tài chính và sức khỏe.

b. Xã hội

- Sự phân công lao động và chuyên môn hoá ngày càng sâu sắc.
- Thay đổi cách nghĩ, lối sống, phương thức làm việc và mối quan hệ của con người.
- Tiêu cực: Tình trạng thất nghiệp trên gia tăng → bất ổn về chính trị và xã hội.

c. Văn hoá

- Góp phần thúc đẩy sự đa dạng văn hoá trên cơ sở kết nối toàn cầu.
- Tiêu cực: Ảnh hưởng đến các giá trị văn hoá truyền thống: xuất hiện những yếu tố "văn hoá ngoại lai", sự phụ thuộc vào "thế giới mạng".

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được khởi đầu tại quốc gia nào sau đây?

A. Anh B. Đức C. Mỹ D. Nhật Bản

Câu 2: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Từ nửa sau thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI
- B. Từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX
- C. Từ nửa sau thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX
- D. Từ nửa sau thế kỉ XIX đến nửa sau thế kỉ XX

Câu 3. Thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ ba **không** bao gồm

- A. internet B. thiết bị điện tử
- C. máy tính D. động cơ đốt trong

Câu 4. Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. máy hơi nước. B. động cơ điện.
- C. trí tuệ nhân tạo. D. máy tính điện tử.

Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên lĩnh vực công nghệ thông tin?

- A. máy tính điện tử B. vệ tinh nhân tạo
- C. Trình duyệt web D. mạng kết nối internet

Câu 6: Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên lĩnh vực chinh phục vũ trụ là

- A. vệ tinh nhân tạo B. tàu hỏa siêu tốc
- C. công nghệ vi sinh D. công nghệ nano

Câu 7: Hệ thống máy tự động là một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Công nghệ sinh học B. Giao thông vận tải
- C. Công cụ sản xuất D. Chinh phục vũ trụ

Câu 8: Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên lĩnh vực giao thông vận tải là

- A. máy bay siêu âm B. khám phá mặt trăng
- C. khám phá sao hỏa D. công nghệ tế bào

Câu 9. Sự ra đời của máy tính điện tử trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã dẫn đến

- A. điện khí hóa trong quá trình sản xuất B. tự động hóa trong quá trình sản xuất
- C. số hóa trong quá trình sản xuất D. cơ khí hóa trong quá trình sản xuất

Câu 10: Sự xuất hiện và phát triển của mạng lưới kết nối Internet trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã mang lại tác dụng nào sau đây?

- A. Thúc đẩy thương mại điện tử phát triển B. Khởi đầu quá trình công nghiệp hóa
- C. Mở ra dây chuyền sản xuất hàng loạt D. Khởi đầu quá trình điện khí hóa

Câu 11: Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên lĩnh vực công nghệ sinh học là

- A. tàu hỏa siêu tốc B. thiết bị điện tử
- C. điện toán đám mây D. công nghệ en – zim

Câu 12: Thành tựu quan trọng nào sau đây của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã trực tiếp góp phần giải quyết vấn đề lương thực cho con người?

- A. Động cơ đốt trong.
- B. Máy hơi nước.
- C. Cách mạng xanh.
- D. Máy tính điện tử.

Câu 13: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được bắt đầu trong khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Đầu thế kỉ XXI
- B. Đầu thế kỉ XX
- C. Đầu thế kỉ XIX
- D. Nửa sau thế kỉ XIX

Câu 14: Quốc gia nào sau đây ở châu Á đã khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Mĩ
- B. Nhật Bản
- C. Anh
- D. Đức

Câu 15: Quốc gia nào sau đây ở châu Âu đã khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Mĩ
- B. Trung Quốc
- C. Anh
- D. Ấn Độ

Câu 16: Quốc gia nào sau đây ở châu Mĩ đã khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Mĩ
- B. Nhật Bản
- C. Đức
- D. Hàn Quốc

Câu 17: Phát minh nào sau đây **không** khởi nguồn từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Trí tuệ nhân tạo.
- B. Dữ liệu lớn.
- C. Internet
- D. Điện toán đám mây.

Câu 18. Thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư **không** bao gồm

- A. internet kết nối vạn vật.
- B. động cơ điện.
- C. dữ liệu lớn.
- D. điện toán đám mây.

Câu 19. « Trước đây, phải mất hơn 10 năm và 2,7 tỉ USD để hoàn thành Dự án Bản đồ Gen người. Ngày nay, một gen có thể được giải mã trình tự trong vài tiếng với chi phí dưới một nghìn đô la Mỹ »

(Cờ - lau Xva – bờ, *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2018, tr.44).

Đoạn trích trên phản ánh thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên lĩnh vực nào sau đây ?

- A. Sinh học
- B. Điện toán đám mây
- C. Công nghệ na – nô
- D. Kỹ thuật số

Câu 20. « Trong lĩnh vực giáo dục, công nghệ thực tế ảo sẽ thay đổi cách dạy. Ví dụ, trong dạy và học lịch sử, học sinh có thể đeo kính thực tế ảo để nhập vai và chứng kiến những trận đánh giả lập, quan sát những di tích lịch sử - văn hóa... Điều này giúp mang lại cảm xúc trong học tập và hiểu bài học sâu sắc hơn »

(*SGK Lịch sử 10*, Bộ Chân trời và sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023, tr.55)
Công nghệ thực tế ảo là một trong những thành tựu tiêu biểu của

- A. cách mạng công nghiệp lần thứ hai
- B. cách mạng công nghiệp lần thứ ba
- C. cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
- D. cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Câu 21: Cổ máy IBM Oát – xon có biệt danh “Bác sĩ biết tuốt” là thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Giáo dục B. Y tế C. Thông tin liên lạc D. Giao thông vận tải

Câu 22: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra từ đầu thế kỉ XXI trong bối cảnh

- A. xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra mạnh mẽ
B. cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt
C. động cơ hơi nước được sử dụng rộng rãi trong sản xuất
D. nền sản xuất bắt đầu chuyển từ cơ khí hóa sang điện khí hóa

Câu 23: Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên lĩnh vực vật lý là

- A. công nghệ vi sinh B. dữ liệu lớn
C. vật liệu mới D. công nghệ tế bào

Câu 24: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã đưa nhân loại bước sang nền văn minh

- A. công nghiệp. B. nông nghiệp. C. thông tin. D. toàn cầu.

Câu 25: Một trong những ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với kinh tế là

- A. mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất.
B. thúc đẩy sự phân hóa trong lực lượng lao động
C. làm tăng sự lệ thuộc của con người vào công nghệ.
D. thúc đẩy sự giao lưu, kết nối văn hoá toàn cầu.

Câu 26. *Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã làm tăng sự lệ thuộc của con người vào công nghệ, phát sinh tình trạng văn hóa lai căng, nguy cơ đánh mất văn hóa truyền thống.* Thông tin trên phản ánh

- A. thách thức của các quốc gia trước xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa
B. tác động tích cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại
C. thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại
D. tác động tiêu cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại

Câu 27: Nguồn gốc chung dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại và hiện đại là do

- A. nhu cầu của chiến tranh thế giới. B. nhu cầu xâm chiếm thuộc địa
C. sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên D. nhu cầu cuộc sống và sản xuất.

Câu 28 Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại?

- A. Hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là tư sản và vô sản.
B. Tạo ra các ngành sản xuất tự động, năng suất lao động được tăng cao
C. Thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới
D. Thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa các quốc gia và khu vực trên thế giới

Câu 29. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại về mặt xã hội?

- A. Dẫn đến sự phân hóa trong lực lượng lao động.
B. Thúc đẩy giao lưu và kết nối văn hoá toàn cầu.

- C. Thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử.
- D. Làm xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới.

Câu 30: Một trong những tác động tiêu cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại về mặt văn hóa đối với các quốc gia, dân tộc hiện nay là

- A. thúc đẩy sự phát triển xu thế toàn cầu hoá.
- B. gia tăng số lượng công nhân có trình độ
- C. gia tăng tình trạng thất nghiệp trên toàn cầu
- D. nguy cơ đánh mất văn hóa truyền thống

Câu 31. Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã làm cho

- A. mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản sâu sắc hơn
- B. số lượng công nhân lao động phổ thông giảm dần
- C. lao động tay chân thay thế hoàn toàn bằng máy móc
- D. số lượng công nhân có tri thức, kỹ năng giảm dần

Câu 32. Tự động hóa và công nghệ rô – bốt ra đời trong các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã

- A. tạo nguy cơ người lao động bị mất việc làm.
- B. gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.
- C. gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.
- D. thúc đẩy sự giao lưu văn hóa toàn cầu

Câu 33. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại?

- A. Lao động máy móc thay thế hoàn toàn lao động chân tay.
- B. Khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. Phát minh kỹ thuật độc lập với nghiên cứu khoa học.
- D. Chủ yếu chỉ diễn ra trong phạm vi các nước châu Âu.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên quan tới cách mạng công nghiệp 4.0, rất nhiều người đã đưa ra những “dự đoán tương lai” phong phú. Phổ biến nhất là dự đoán cho rằng lao động hiện tại sẽ bị AI, Robot và IoT thay thế. Một trong những dự đoán thuộc kiểu này cho rằng đến năm 2035, 34% lao động tại Anh, 42% lao động tại Mỹ, 49% lao động tại Nhật Bản sẽ bị AI và Robot thay thế. Năm 2035, tức là sau 15 năm nữa, người ta cũng dự đoán rằng do lái xe tự động mà 98% lao động trong ngành vận tải (taxi, xe buýt, vận chuyển bằng xe tải) sẽ thất nghiệp, các cửa hàng sẽ dần không còn người phục vụ và số lượng người lao động trong lĩnh vực tài chính, bác sĩ, luật sư cũng giảm mạnh”

(Manabu Sato, (Nguyễn Quốc Vương dịch), *Cách mạng công nghiệp 4.0 và tương lai giáo dục*, NXB Dân trí, Hà Nội, 2023, tr.12)

- a. Đoạn tư liệu đưa ra những dự đoán về sự thay đổi của lực lượng lao động dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- b. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư chỉ dẫn đến những hệ lụy tiêu cực cho lực lượng lao động trong tương lai.

- c. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn đến nguy cơ tình trạng thất nghiệp trên toàn cầu sẽ gia tăng.
- d. AI, Robot chỉ có thể thay thế sức lao động của con người trong lĩnh vực sản xuất vật chất.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1972, tiến sĩ A – lan Kay, một nhà khoa học máy tính ở Mỹ, đã trình bày khái niệm về máy tính cá nhân. Năm 1973, máy tính Alto được ra mắt, được trang bị một giao diện đồ họa (GUI) và là thế hệ đầu tiên của máy tính cá nhân. Giao diện này cho phép người dùng có hình ảnh trực quan hơn thông qua việc sử dụng các thiết bị trở như chuột hoặc bàn cảm ứng. Năm 1984, Ma – xin – tốt, một máy tính cá nhân được trang bị hệ điều hành và giao diện đồ họa được phát triển bởi công ty máy tính Apple tại Mỹ. Sự ra đời của giao diện đồ họa (GUI) đã hiện thực hóa việc người dùng phổ thông có thể sử dụng được máy tính bởi chúng cung cấp một hệ sinh thái thân thiện với người dùng. Những năm sau đó, giá thiết bị giảm xuống làm cho việc sử dụng máy tính cá nhân trở nên cực kì phổ biến.

(Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2018), “*Định hướng hiện thực hóa xã hội siêu thông minh của Nhật Bản*”, Tổng luận Khoa học – công nghệ, số 4, tr.4)

- a. Máy tính cá nhân ra đời đầu tiên ở nước Mỹ vào thập niên 70 của thế kỉ XIX.
- b. Máy tính cá nhân ra đời là một trong những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- c. “Alto” và “Ma – xin – tốt” được nhắc đến trong đoạn tư liệu là các thế hệ khác nhau của máy tính cá nhân.
- d. Một trong những nguyên nhân khiến việc sử dụng máy tính cá nhân ngày càng trở nên phổ biến là do chi phí sản xuất ngày càng rẻ.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Một khi cuộc cách mạng của Apple – máy tính cá nhân – Windows chứng tỏ cho mọi người thấy giá trị của khả năng số hóa thông tin và kiểm soát thông tin trên máy tính và các phần mềm văn bản, và một khi trình duyệt khiến internet trở nên sống động và cho phép các trang web có thể nhảy múa, hát và trình diễn, thì tất cả mọi người đều muốn số hóa mọi thứ càng nhiều càng tốt để họ có thể gửi những thông tin này tới người khác qua internet”.

(Thô – mát L. Phờ - ri – man, *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2018, tr.91)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về những thành tựu trên mọi lĩnh vực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại.
- b. “Máy tính cá nhân”, “Windows”, “Internet” là những thành tựu tiêu biểu được khởi nguồn từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- c. Sự ra đời của máy tính cá nhân, hệ điều hành, internet đã đánh dấu sự ra đời của cuộc cách mạng số hóa.
- d. Chỉ khi có sự xuất hiện của internet, con người mới nảy sinh nhu cầu trao đổi và chia sẻ thông tin với nhau.

CHƯƠNG V. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

Bài 11. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

A. LÝ THUYẾT

1. Hành trình phát triển

a. Giai đoạn từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII

- Đầu công nguyên, nhiều quốc gia sơ kì hình thành ở Đông Nam Á, tiếp thu văn hóa Ấn Độ tạo nên bước phát triển mới.
- Thế kỉ VII – X: Hình thành các quốc gia “dân tộc”, chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc.

b. Giai đoạn từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV

- Giai đoạn phát triển mạnh với nền kinh tế thịnh vượng, xã hội ổn định.
- Hồi giáo cũng được du nhập đã bổ sung thêm những giá trị mới cho văn hóa khu vực.

c. Giai đoạn từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX

- Giai đoạn khủng hoảng, suy thoái và bị các nước phương Tây xâm nhập.
- Văn hoá phương Tây du nhập và ảnh hưởng, làm xuất hiện thêm nhiều thành tựu văn minh mới.

2. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Tín ngưỡng và tôn giáo

***. Tín ngưỡng**

- Tín ngưỡng bản địa là của cư dân nông nghiệp lúa nước, gồm: sùng bái tự nhiên, phồn thực, tục thờ cúng tổ tiên.

***. Tôn giáo**

- Bản địa: dựa trên tín ngưỡng vạn vật hữu linh.
- Tiếp thu: Hindu giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Công giáo

b. Văn tự và văn học

*** Văn tự**

- Tiếp nhận nhiều chữ viết từ bên ngoài (chữ Hán, chữ Phạn, chữ Pa-li, chữ A-rập..) và sáng tạo thành chữ viết của mình như chữ Việt, Chăm-pa, Thái cổ, chữ Khơ-me...
- Từ thế kỉ XVI, chữ viết của nhiều quốc gia Đông Nam Á được La-tinh hoá và sử dụng đến ngày nay.

*** Văn học**

- Văn học dân gian có vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần của người dân, như: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, thơ ca...
- Văn học viết ra đời muộn do các quốc gia cổ Đông Nam Á có chữ viết muộn.

c. Kiến trúc và điêu khắc

- * **Kiến trúc:** Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc Ấn Độ và Hồi giáo, nhưng mỗi dân tộc lại có những nét riêng của mình.

- * **Điêu khắc:** Chịu ảnh hưởng rõ nét của Ấn Độ và Trung Quốc như: tượng thần-Phật, phù điêu, bức chạm nổi...

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đông Nam Á

- A. bước đầu hình thành.
- B. bước đầu phát triển.
- C. phát triển rực rỡ.
- D. tiếp tục phát triển.

Câu 2: Văn minh phương Tây bắt đầu ảnh hưởng đến Đông Nam Á trong giai đoạn

- A. đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.
- B. thế kỉ VII đến thế kỉ XV.
- C. thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.
- D. thế kỉ XIX đến nay.

Câu 3: Trong khoảng thời gian từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII, thành tựu nổi bật nhất của văn minh Đông Nam Á là

- A. sự ra đời và bước đầu phát triển của các nhà nước.
- B. hình thành các quốc gia thống nhất và lớn mạnh.
- C. các quốc gia phát triển đến thời kì cực thịnh.
- D. các quốc gia có nhiều chuyển biến mới về văn hoá.

Câu 4: Một trong những yếu tố tác động đến sự khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX là

- A. sự du nhập của Thiên Chúa giáo.
- B. sự xâm nhập của các nước phương Tây.
- C. sự xâm nhập và lan tỏa của Hồi giáo.
- D. sự bành trướng và xâm lược của Trung Hoa.

Câu 5: Từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII, quốc gia cổ đại nào sau đây đã được hình thành trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?

- A. Chao – Phray – a .
- B. Ta – ru – ma .
- C. Phù Nam.
- D. Ma – lay – u

Câu 6: Văn minh Đông Nam Á giai đoạn đầu Công nguyên đến thế kỉ VII có điểm tương đồng nào sau đây so với văn minh Đông Nam Á giai đoạn thế kỉ VII đến thế kỉ XV?

- A. Có sự xâm nhập và lan tỏa của Hồi giáo
- B. Có sự xâm nhập và lan tỏa của Thiên chúa giáo
- C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ
- D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh phương Tây

Câu 7: Văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX có điểm khác biệt nào sau đây so với văn minh Đông Nam Á giai đoạn thế kỉ VII đến thế kỉ XV?

- A. Bắt đầu hình thành các quốc gia phong kiến lớn mạnh.
- B. Có sự du nhập của yếu tố văn hóa đến từ phương Tây
- C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Trung Hoa
- D. Nền văn minh bước vào giai đoạn phát triển cực thịnh

Câu 8: Một trong những đặc điểm nổi bật của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV là

- A. Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đối với khu vực chưa thể hiện rõ nét
- B. Văn minh phương Tây bắt đầu ảnh hưởng trên một số lĩnh vực
- C. tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh Ấn Độ và Trung Hoa
- D. sự suy yếu về chính trị và văn hóa của các quốc gia phong kiến.

Câu 9: Sự ra đời của thánh lễ Thiên chúa giáo đầu tiên ở Phi – lip – pin năm 1521 là biểu hiện của sự du nhập yếu tố văn hóa nào sau đây đến từ phương Tây?

- A. Tôn giáo
- B. Chữ viết
- C. Văn học
- D. Nghệ thuật

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phát triển rực rỡ của văn hóa Đông Nam Á từ thế kỉ X – XV là

- A. ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh Ấn Độ
- B. sự tiếp thu có chọn lọc văn minh Trung Hoa
- C. quá trình sáp nhập và hợp nhất các tiểu quốc
- D. sự phát triển về kinh tế và ổn định chính trị

Câu 11: “Cư dân Đông Nam Á thờ thần Lúa để bảo trợ cho sản xuất nông nghiệp”. Thông tin trên phản ánh tín ngưỡng nào sau đây của cư dân Đông Nam Á?

- A. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
- B. Tín ngưỡng phồn thực
- C. Tín ngưỡng thờ thần tự nhiên
- D. Tín ngưỡng thờ thần động vật

Câu 12:

“Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba”

Ngày giỗ tổ Hùng Vương của Việt Nam hàng năm là một biểu hiện của hình thức thức tín ngưỡng nào sau đây?

- A. Thờ thần động vật.
- B. Thờ thần tự nhiên.
- C. Thờ cúng tổ tiên.
- D. Tín ngưỡng phồn thực.

Câu 13: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của các hình thức tín ngưỡng bản địa của cư dân Đông Nam Á ?

- A. Xuất hiện trước các tôn giáo và được bảo tồn trong quá trình phát triển
- B. Tồn tại độc lập với các tôn giáo từ bên ngoài du nhập và có sự thống nhất
- C. Các tín ngưỡng đa dạng nhưng không có sự tương đồng giữa các quốc gia
- D. Xuất phát từ đặc thù kinh tế nông nghiệp và có sự thống nhất trong đa dạng.

Câu 14: “Cư dân Đông Nam Á thờ các con vật gần gũi với cuộc sống của xã hội nông nghiệp như trâu, cóc, chim, rắn...”. Thông tin trên phản ánh tín ngưỡng nào sau đây của cư dân Đông Nam Á?

- A. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
- B. Tín ngưỡng phồn thực
- C. Tín ngưỡng thờ thần tự nhiên
- D. Tín ngưỡng thờ thần động vật

Câu 15: Tôn giáo nào sau đây có nguồn gốc từ Ấn Độ và được truyền bá mạnh mẽ vào khu vực Đông Nam Á?

- A. Phật giáo
- B. Đạo giáo
- C. Hồi giáo
- D. Thiên chúa giáo

Câu 16: Từ thế kỉ XVI, thông qua hoạt động của các giáo sĩ phương Tây, tôn giáo nào sau đây đã từng bước được du nhập vào Đông Nam Á ?

- A. Phật giáo
- B. Đạo giáo
- C. Hồi giáo
- D. Thiên chúa giáo

Câu 17: Từ khoảng thế kỉ XIII, tôn giáo nào theo chân các thương nhân Ả-rập và Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á?

- A. Ấn Độ giáo.
- B. Thiên Chúa giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Hồi giáo.

Câu 18. Những tôn giáo nào sau đây có nguồn gốc từ Ấn Độ và được truyền bá mạnh mẽ vào khu vực Đông Nam Á?

- A. Phật giáo, Hin-đu giáo.
- B. Phật giáo, Hồi giáo
- C. Hồi giáo, Hin-đu giáo.
- D. Hin-đu giáo, Công giáo.

Câu 19: Ở khu vực Đông Nam Á, quốc gia nào sau đây chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của văn minh Trung Hoa?

- A. Việt Nam. B. Thái Lan. C. Ma-lai-xi-a. D. Mi-an-ma.

Câu 20: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của các tôn giáo ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Các tôn giáo đều được du nhập trước khi tín ngưỡng bản địa hình thành.
B. Các tôn giáo đa dạng nhưng cùng tồn tại và phát triển một cách hòa hợp.
C. Hồi giáo được du nhập đầu tiên vào Đông Nam Á và nhanh chóng phát triển.
D. Quá trình du nhập của các tôn giáo không thông qua hoạt động thương mại.

Câu 21: Trên cơ sở tiếp thu một phần chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình, có tên gọi là

- A. chữ Chăm cổ. B. chữ Nôm.
C. Chữ Khơ-me cổ. D. chữ Mã Lai cổ.

Câu 22: Người Chăm, người Khơ – me, người Thái... ở khu vực Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở tiếp thu chữ viết cổ của quốc gia nào sau đây ?

- A. Nhật Bản B. Ai Cập C. Ấn Độ D. Trung Quốc

Câu 23: Người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của quốc gia nào sau đây ?

- A. Nhật Bản B. Ai Cập C. Ấn Độ D. Trung Quốc

Câu 24: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm về chữ viết ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Chịu ảnh hưởng của chữ viết từ bên ngoài
B. Ra đời sớm, trước khi xuất hiện Nhà nước
C. Có sự đa dạng nhưng thiếu tính thống nhất
D. Ra đời cùng quá trình du nhập tôn giáo

Câu 25: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của việc cư dân Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng của mình từ thời kì cổ - trung đại?

- A. Tạo điều kiện cho sự ra đời của Nhà nước và các quốc gia thống nhất.
B. Thể hiện tinh thần tự chủ, không vay mượn yếu tố văn hóa bên ngoài.
C. Tạo điều kiện cho sự phát triển rực rỡ của nền văn học dân tộc.
D. Tạo tiền đề trực tiếp cho sự phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật.

Câu 26: Một trong những tác phẩm văn học dân gian nổi tiếng của Việt Nam thời kì cổ - trung đại là

- A. Truyền thuyết Pư – rắc Thon B. Truyện sử Me – lay – u
C. Sử thi Đẻ đất đẻ nước D. Thần thoại Pun – hơ Nhan - hơ

Câu 27: Một trong những thể loại văn học dân gian tiêu biểu ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là

- A. truyện ngắn. B. kí sự. C. tản văn. D. thần thoại.

Câu 28: Một trong những tác phẩm văn học viết tiêu biểu của Malayxia thời kì cổ - trung đại là

- A. Sử thi Đẻ đất đẻ nước. B. Truyện sử Me-lay-u.
C. Truyện Kiều. D. Ước trai thi tập

Câu 29: Một trong những công trình kiến trúc điển hình ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là

- A. đền tháp Bô-rô-bu-đua
- B. vạn lý trường thành
- C. đấu trường Rô - ma
- D. kim tự tháp

Câu 30. Công trình kiến trúc nào ở khu vực Đông Nam Á là di sản văn hóa thế giới?

- A. tháp That Luông
- B. Đền Pác – tê – nông
- C. Vạn lý trường thành
- D. Kim tự tháp

Câu 31: Nghệ thuật kiến trúc Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc

- A. Ấn Độ.
- B. Ai Cập.
- C. Hi Lạp.
- D. La Mã.

Câu 32: Một trong những công trình kiến trúc Phật giáo điển hình ở khu vực Đông Nam Á là

- A. chùa Vàng
- B. cổ cung Bắc Kinh
- C. Đền Ăng-co-vát.
- D. lăng mộ Ta – giơ Ma - han.

Câu 33: Một trong những công trình điêu khắc tiêu biểu ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là

- A. trống đồng Đông Sơn
- B. tượng lực sĩ ném đĩa
- C. tượng thần vệ nữ Mi – lô
- D. đấu trường La Mã

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Qua các văn bia, người ta biết rằng chữ Phạn của Ấn Độ đã được du nhập vào Đông Nam Á từ rất sớm. Bia Võ Cạnh có niên đại thế kỉ III – IV là bia chữ Phạn cổ nhất ở Đông Nam Á và cũng là bằng chứng đầu tiên về sự du nhập chữ Phạn vào Chămpa. Từ đó cho đến khi vương quốc Chămpa chấm dứt sự tồn tại của mình, chữ Phạn luôn luôn là chữ viết được dùng trong triều đình Chămpa. Song cũng như nhiều dân tộc khác ở Đông Nam Á, người Chăm đã sớm tiếp thu văn tự cổ Ấn Độ để sáng tạo ra chữ viết của chính mình”.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, 2007, tr.172)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về hệ thống các văn bia cổ của vương quốc Chămpa.
- b. Thông qua các văn bia cổ, ta thấy rằng, cư dân nhiều nước Đông Nam Á đã tiếp thu và sử dụng duy nhất chữ viết của Ấn Độ trong suốt thời kì tồn tại của vương quốc mình.
- c. Bia Võ Cạnh là một minh chứng cho thấy ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến văn minh Chămpa về mặt chữ viết.
- d. Vương quốc Chămpa là vương quốc duy nhất ở Đông Nam Á đã sáng tạo ra được chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Các nước Đông Nam Á tiếp nhận nhiều chữ viết từ bên ngoài và sáng tạo thành chữ viết của mình: Việt Nam tiếp nhận chữ Hán (Trung Quốc) từ đầu Công nguyên để tạo thành chữ Nôm; chữ Phạn, chữ Pa – li (Ấn Độ) du nhập vào các nước Đông Nam Á từ thế kỉ III – IV, là cơ sở để hình thành chữ Chămpa cổ, chữ Thái cổ, chữ Khome cổ; chữ viết A – rập du nhập vào các quốc gia Nam Đảo, La – lai – xi – a, In – đô – nê – xi – a,... Từ thế

kỉ XVI, chữ viết của nhiều quốc gia Đông Nam Á được Latinh hóa và được sử dụng đến ngày nay.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ chân trời sáng tạo, tr.60)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin thành tựu về chữ viết của khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.
- b. Cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở tiếp thu chữ viết từ bên ngoài.
- c. Người Việt Nam đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở tiếp thu chữ viết từ Ấn Độ.
- d. Từ thế kỉ XVI, chữ viết của tất cả các quốc gia Đông Nam Á đã được Latinh hóa theo ngôn ngữ phương Tây.

CHƯƠNG VI. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM **(TRƯỚC NĂM 1858)**

Bài 12. VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

A. LÝ THUYẾT

1. Cơ sở hình thành

a. Điều kiện tự nhiên

- Hình thành trên các dòng sông lớn: Sông Hồng, Mã, Cả (Bắc, Bắc Trung Bộ).
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng ấm, mưa nhiều, cư dân sớm xuất hiện và định cư.
- Giàu về khoáng sản: đồng, sắt, thiếc, chì...

b. Cơ sở kinh tế - xã hội

- *Dân cư*: thuộc nhóm Nam Á và Thái - Kađai dần hòa nhập, tạo nên cộng đồng người Việt cổ.
- *Kinh tế*: Chủ yếu là nông nghiệp lúa nước dùng cày và thủ công nghiệp, chăn nuôi, đánh cá.
- *Xã hội*: Hình thành từ thời Phùng Nguyên- Đồng Đậu- Gò Mun và phát triển mạnh từ văn hóa Đông Sơn (khoảng 2800 năm cách nay). Họ đã biết làm nông nghiệp lúa nước, sử dụng lưỡi cày đồng và khả năng trị thủy cao -> Ra đời nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc.

2. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Sự ra đời của nhà nước

- Nhà nước Văn Lang (VII TCN đến năm 208 TCN), kinh đô là Phong Châu (Phú Thọ).
- Nhà nước Âu Lạc (208 TCN đến 179 TCN), kinh đô ở Cổ Loa (Hà Nội).
- Lãnh thổ Văn Lang – Âu Lạc ở khu vực Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam.
- Văn Lang là nhà nước đầu tiên ở Việt Nam, còn sơ khai.
- Tổ chức nhà nước gồm: Vua, Lạc hầu, Lạc tướng, Bô chính, Lạc dân. Cả nước chia làm 15 Bộ, dưới là xóm làng.

b. Hoạt động kinh tế

- Kinh tế nông nghiệp phát triển đa dạng: nghề nông trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm...

- Kinh tế thủ công nghiệp đạt được nhiều thành tựu: kĩ thuật luyện đúc đồng, nghề dệt vải, gốm, đan lát...
- Kinh tế thương nghiệp khá phát đạt: trao đổi sản phẩm giữa các vùng miền và với các nước láng giềng như Trung Quốc, các nước Đông Nam Á...

c. Đời sống vật chất

- Ăn: gạo là nguồn lương thực chính.
- Mặc: Nam đóng khố, nữ mặc áo, biết sử dụng trang sức bằng đồng.
- Ở: định cư thành làng- xóm và ở nhà sàn.
- Phương tiện di chuyển: phổ biến là thuyền, xe kéo...

d. Đời sống tinh thần

- Có nền văn học truyền miệng phát triển (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích ...).
- Tín ngưỡng: sùng bái tự nhiên, phồn thực, thờ Mặt Trời, tổ tiên, những người có công.
- Đời sống xã hội gắn liền với lễ hội.
- Họ còn có tục uống nước chè, ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Nhà nước đầu tiên được hình thành trên lãnh thổ Việt Nam có tên gọi là

- A. Văn Lang B. Lâm Ấp C. Chăm pa D. Phù Nam

Câu 2: Nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc chủ yếu được hình thành trên lưu vực con sông nào sau đây?

- A. Sông Hằng B. Sông Ấn C. Sông Hồng D. Sông Nin

Câu 3: Nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc được hình thành ở khu vực nào sau đây của Việt Nam?

- A. Khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay.
B. Vùng duyên hải và cao nguyên miền Trung Việt Nam.
C. Lưu vực sông Hồng, sông Thu Bồn và sông Cửu Long.
D. Vùng ven biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam.

Câu 4: Điều kiện tự nhiên nào sau đây tạo thuận lợi cho cư dân Văn Lang – Âu Lạc phát triển ngành nông nghiệp lúa nước?

- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú B. Khí hậu khô hạn, lượng nhiệt lớn
C. Hệ thống đất phù sa màu mỡ D. Tiếp giáp với các nền văn minh lớn

Câu 5: Nội dung nào sau đây là cơ sở kinh tế dẫn đến sự hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Hoạt động thương nghiệp đường biển đặc biệt phát triển
B. Bắt đầu xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội
C. Nhu cầu chống giặc ngoại xâm ngày càng trở nên bức thiết
D. Nông nghiệp trồng lúa nước đạt trình độ phát triển cao

Câu 6: Cư dân Văn Lang – Âu Lạc sớm phát triển nghề luyện kim nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi nào sau đây?

- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
C. Các vùng đồng bằng phù sa màu mỡ D. Hệ thống sông ngòi chằng chịt

Câu 7: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào sau đây?

- A. Sa Huỳnh B. Óc Eo C. Đông Sơn D. Sơn Vi

Câu 8: Nội dung nào sau đây là cơ sở xã hội dẫn đến sự hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp trong xã hội
B. Nhu cầu xâm lược, mở rộng lãnh thổ trở nên bức thiết
C. Hoạt động thủ công nghiệp đạt trình độ phát triển cao
D. Công cụ lao động bằng kim khí được sử dụng phổ biến

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng cơ sở dẫn đến sự ra đời của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Chế độ công xã nguyên thủy đạt đến giai đoạn cực thịnh
B. Yêu cầu của hoạt động trị thủy để phục vụ nông nghiệp.
C. Yêu cầu của công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.
D. Những chuyển biến cơ bản trong đời sống kinh tế - xã hội.

Câu 10: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, lượng mưa nhiều là điều kiện thuận lợi để cư dân Văn Lang – Âu Lạc phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Luyện kim, đúc đồng B. Trồng trọt, chăn nuôi
C. Thương nghiệp biển D. Chế tạo vũ khí

Câu 11: Kinh đô của nhà nước Văn Lang đặt tại

- A. Cổ Loa (Hà Nội) B. Phong Châu (Phú Thọ)
C. Phú Xuân (Huế) D. Quy Nhơn (Bình Định)

Câu 12: Năm 208 TCN, nước Âu Lạc ra đời, đặt kinh đô tại

- A. Đông Anh (Hà Nội). B. Phong Châu (Phú Thọ).
C. Trà Kiệu (Quảng Nam). D. Thoại Sơn (An Giang).

Câu 13: Đứng đầu nhà nước Văn Lang là Vua Hùng, giúp việc cho vua là

- A. tể tướng B. Lục bộ C. Lạc hầu D. đại hành khiển

Câu 14: Nhà nước nào sau đây là sự kế thừa và phát triển của nhà nước Văn Lang?

- A. Âu Lạc B. Lâm Ấp C. Chăm-pa D. Phù Nam

Câu 15: Một trong những biểu hiện chứng tỏ bước phát triển của nước Âu Lạc so với quốc gia Văn Lang là

- A. Bộ máy nhà nước được tổ chức hoàn thiện hơn so với thời kì trước
B. Lãnh thổ được mở rộng hơn trên cơ sở thống nhất Âu Việt và Lạc Việt
C. Cải cách đơn vị hành chính theo hướng tập trung, thống nhất, quan liêu
D. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc trước sự xâm lược của quân Nam Hán

Câu 16: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Hoàn chỉnh, chặt chẽ B. Đơn giản, sơ khai
C. Quan liêu, tập quyền D. Phân quyền, pháp trị.

Câu 17: Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu được xây dựng dưới thời kì nhà nước Âu Lạc là

- A. chùa Một Cột B. tháp Phổ Minh C. thành Cổ Loa D. kinh thành Huế

Câu 18: Nội dung nào sau đây phản ánh sự phát triển kinh tế của cư dân Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Kỹ thuật luyện kim, đúc đồng đạt trình độ cao.
- B. Thương nghiệp đường biển phát triển vượt bậc
- C. Kỹ thuật đóng gạch xây tháp đạt mức hoàn mỹ
- D. Làm chủ nhiều vùng rộng lớn ở Đông Nam Á.

Câu 19: Ngành kinh tế nào sau đây phát triển mạnh dưới thời kì Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Chế tạo máy B. Đóng tàu biển C. Trồng lúa nước D. Làm giấy

Câu 20: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đời sống vật chất của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Nguồn lương thực, thực phẩm phong phú, đa dạng
- B. Tín ngưỡng sùng bái các lực lượng tự nhiên phổ biến
- C. Đi lại chủ yếu bằng đường thủy thông qua thuyền, bè
- D. Nhà ở chủ yếu là kiểu nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá

Câu 21: Ngành kinh tế chủ đạo của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

- A. Công nghiệp khai khoáng B. Buôn bán đường biển
- C. Dịch vụ du lịch D. Nông nghiệp lúa nước

Câu 22: Hiện vật nào sau đây trở thành biểu tượng của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Trống đồng Đông Sơn. B. Tượng Phật Đồng Dương.
- C. Phù điêu Khương Mỹ. D. Tiền đồng Óc Eo.

Câu 23: Cho đến nay, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được gần 300 trống đồng Đông Sơn trên lãnh thổ Việt Nam. Đó là minh chứng cho sự phát triển rực rỡ của ngành kinh tế nào sau đây dưới thời kì Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Đóng tàu B. Đúc đồng C. Chế tạo máy D. Cơ khí

Câu 24: Một trong những nét độc đáo trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. chữ viết thể hiện tính bác học, uyên thâm
- B. sùng bái núi thiêng và nàng công chúa rắn
- C. thịnh hành tục thờ Mẫu và thờ cúng tổ tiên
- D. tục lệ chôn người chết trong các mộ chum.

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên nền tảng cộng đồng xóm làng và một cơ cấu chính trị nhà nước phôi thai; không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững chắc cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó”.

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch Sử Việt Nam, Tập I*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 173)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về quá trình xác lập các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- b. “Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- c. Bản chất của “nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” là một nền văn minh lấy kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo với bộ máy chính quyền đơn giản, sơ khai.
- d. Toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc Việt Nam sau này phụ thuộc hoàn toàn vào nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội thời Âu Lạc đều tiếp tục phát triển trên cơ sở những thành tựu đã đạt được của nước Văn Lang trước đây. Văn hóa Đông Sơn vẫn là cơ sở văn hóa chung của nước Văn Lang và Âu Lạc. Do yêu cầu bức thiết của cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, trong thời Âu Lạc, kỹ thuật quân sự có những tiến bộ vượt bậc. Đó là việc sáng chế ra nỏ Liên Châu bắn một lần nhiều phát tên, được coi là loại vũ khí mới, lợi hại (mà dân gian gọi là “Nỏ thần”) và việc xây dựng kinh đô Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), hình ảnh tập trung sự phát triển nhiều mặt của nước Âu Lạc”.

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB giáo dục, 2007, tr.31)

- a. Nhà nước Âu Lạc phát triển hơn về nhiều mặt so với nhà nước Văn Lang và độc lập hoàn toàn so với nhà nước Văn Lang.
- b. Nếu như kinh đô của nhà nước Văn Lang đặt tại trung du, miền núi thì kinh đô của nhà nước Âu Lạc đã di chuyển xuống khu vực trung tâm đồng bằng.
- c. Hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc đều được hình thành trên cơ sở nền văn hóa Đông Sơn và đều được hình thành sau một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.
- d. Việc chế tạo ra nỏ Liên Châu và xây thành Cổ Loa (Hà Nội) của nhà nước Âu Lạc đều xuất phát từ nhu cầu bảo vệ đất nước.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Qua kết quả nghiên cứu xã hội và nhà nước Văn Lang đời Hùng Vương có thể ghi nhận đây là một hình thái xã hội đã có sự phân hóa sâu sắc nhưng chưa hình thành giai cấp đối kháng gay gắt, mà là những giai tầng xã hội với sự cách biệt đáng kể về của cải và xã hội, đó là tầng lớp quý tộc, tầng lớp nô tì tức nô lệ gia trưởng và tầng lớp dân tự do tức thành viên công xã nông thôn kiểu Á châu... Trên cơ sở phân hóa xã hội đó, kết hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp lúa nước gắn liền với yêu cầu thủy lợi và cả yêu cầu tự vệ, một nhà nước sơ khai đã ra đời. Đó là một hình thái nhà nước cổ đại ra đời đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và cũng vào loại sớm nhất ở vùng Đông Nam Á”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, NXB giáo dục, 2007, tr.90)

- a. Nhà nước Văn Lang ra đời trên cơ sở xã hội đã có sự phân chia thành các giai cấp, tầng lớp khác nhau và mâu thuẫn giai cấp đã trở nên gay gắt.
- b. Nhà nước Văn Lang là một trong những nhà nước ra đời sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

c. Xã hội Văn Lang phân chia thành 3 tầng lớp, trong đó tầng lớp quý tộc và tầng lớp dân tự do là tầng lớp thống trị.

d. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là do nhu cầu trị thủy và chống giặc ngoại xâm.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Trong thời đại kim khí gắn liền với yêu cầu phát triển nông nghiệp lúa nước, tín ngưỡng chủ yếu và phổ biến lúc bấy giờ là sùng bái tự nhiên như thờ thần Mặt Trời, thần Sông, thần Núi...và phồn thực với những nghi lễ cầu mong được mùa, các giống loài sinh sôi nảy nở, con lũ cháu đàn... Chính giữa mặt trống đồng Đông Sơn là hình tượng Mặt Trời như ngôi sao nhiều cánh và đan xen giữa các cánh là hình tượng sinh thực khí nam, nữ cách điệu hóa. Trống đồng còn được gọi là “trống sấm”, trống cầu mưa và trên mặt một số trống có tượng cóc gắn liền với quan niệm cổ truyền “con cóc là cậu ông trời”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, NXB giáo dục, 2007, tr.90)

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về đời sống văn hóa tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.

b. Các “hình tượng sinh thực khí nam, nữ cách điệu hóa” được in trên mặt trống đồng Đông Sơn chính là biểu hiện của tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.

c. Tín ngưỡng phồn thực là một trong những tín ngưỡng xuất phát từ nhu cầu phát triển nông nghiệp lúa nước của cư dân Việt cổ.

d. Trống đồng Đông Sơn có nhiều tên gọi khác nhau nhưng cách bài trí hoa văn trên các trống đồng đều giống hệt nhau.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“...sự ra đời của nước Văn Lang trên cơ sở nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ - thời đại đồng thau phát triển đến đỉnh cao và bước sang thời đại sắt sớm tồn tại vào khoảng thế kỉ thứ VII đến thế kỉ thứ III TCN. Nước Văn Lang còn là biểu hiện của sự liên kết các cộng đồng bộ lạc giữa khu vực đồng bằng sông Hồng với các khu vực đồng bằng sông Mã, sông Cả vùng Thanh – Nghệ trên nền tảng một nền văn hóa chung đa sắc thái. Văn hóa Đông Sơn, nhà nước Văn Lang tuy còn sơ khai, chất phác nhưng cũng đánh dấu sự trưởng thành, phát triển vượt bậc của các cộng đồng dân cư bản địa, một bước chuyển “cách mạng” từ thời đại hoang sơ nguyên thủy sang thời đại văn minh hơn. Có thể coi nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

(Vũ Duy Mên (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 1 – Từ khởi thủy đến thế kỉ X*, NXB Khoa học xã hội, 2017, tr.126)

a. Nhà nước Văn Lang ra đời vào thế kỉ III TCN trên cơ sở liên kết các bộ lạc ở sông Hồng, sông Mã và sông Cả.

b. Dưới thời kì Văn Lang, cư dân phổ biến sử dụng công cụ lao động bằng đồng thau và bước đầu sử dụng đồ sắt.

c. Nhà nước Văn Lang tồn tại trong khoảng 4 thế kỉ, được coi là nhà nước cổ đại đầu tiên của lịch sử Việt Nam.

d. Sự ra đời của nhà nước Văn Lang đánh dấu bước chuyển của lịch sử Việt Nam từ thời kì nguyên thủy sang thời kì cổ đại.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Hùng vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang (nước này, đông giáp biển Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến hồ Động Đình, nam giáp nước Hồ Tôn, tức nước Chiêm Thành, nay là Quảng Nam), chia nước làm 15 bộ...; còn bộ gọi là Văn Lang là nơi vua đóng đô. Đặt tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng... Con trai vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là Mị nương. Quan coi việc gọi là Bô chính, đời đời cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Vua các đời đều gọi là Hùng vương”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.83)

- a. Nhà nước Văn Lang do vua Hùng sáng lập nên có địa giới thuộc khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay.
- b. Nước Văn Lang được chia thành 15 bộ, đứng đầu các bộ là Lạc hầu và Lạc tướng. Vua Hùng chỉ trực tiếp cai quản bộ Văn Lang.
- c. “Phụ đạo” được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là tục lệ cha truyền con nối đối với tất cả các chức quan trong triều đình.
- d. Lạc hầu, Lạc tướng, Bô chính, Quan lang, Mị nương là tên gọi các chức quan dưới thời kì nhà nước Văn Lang.

Bài 13. VĂN MINH CHĂM – PA

A. LÝ THUYẾT

1. Cơ sở hình thành

a. Điều kiện tự nhiên

- Địa hình: Phía tây là dãy Trường Sơn, phía đông là biển đảo, xen kẽ là đồng bằng nhỏ - hẹp ven biển.
- Khí hậu khô nóng, đất đai cằn cỗi, thường xuyên bão lụt.
- Nhiều nguồn lợi: Lâm thổ sản, các mỏ khoáng sản và nhiều vịnh, cảng tốt.

b. Dân cư và xã hội

- * *Dân cư*: thuộc nhóm Nam Đảo, gồm hai bộ tộc chính là tộc Dừa và Cau.
- * *Xã hội*: Theo chế độ Mẫu hệ. Tổ chức xã hội chia theo địa hình và địa bàn cư trú.

c. Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ

- Thế kỉ V TCN, ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ: chữ viết, tư tưởng, tôn giáo, mô hình nhà nước, pháp luật.
- Người Chăm đã tiếp thu chọn lọc và hình thành nền văn minh Chăm-pa.

2. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Sự ra đời của nhà nước

- Năm 192, nhà nước Lâm Ấp ra đời, sau đổi là Chăm-pa.
- Đứng đầu nhà nước là vua, giúp việc là 2 vị đại thần.
- Ở cấp địa phương có châu - huyện - làng.

b. Hoạt động kinh tế

- Nông nghiệp: trồng lúa, các loại cây hoa màu, bông vải
- Thủ công nghiệp: đa dạng với nhiều ngành nghề như: làm gạch, gốm, luyện kim, đóng thuyền...

- Thương nghiệp: giỏi buôn bán bằng đường biển..

c. Đời sống vật chất

- Ăn: cơm, rau, cá.

- Mặc: Nam mặc quần ngoài quần váy (gọi là ka-ma) áo cánh xếp chéo, đầu quấn khăn. Nữ mặc quần bên trong áo dài, đầu đội khăn.

- Ở: Sống quây quần trong những ngôi nhà bằng gỗ hoặc gạch nung.

d. Đời sống tinh thần

** Tín ngưỡng, tôn giáo*

- Tín ngưỡng vạn vật hữu linh, phồn thực và thờ cúng tổ tiên.

- Ấn Độ giáo là tôn giáo chính, về sau tiếp thu thêm Phật giáo và Hồi giáo.

** Phong tục tập quán*

- Nghi lễ cưới hỏi chịu sự chi phối của chế độ mẫu hệ.

- Tục tang ma có sự phân chia theo lứa tuổi, đẳng cấp và nguyên nhân cái chết.

** Chữ viết*

- Tiếp nhận chữ Phạn sáng tạo ra chữ *Chăm cổ* (gọi là chữ *A-kha Ha-y-áp*), sau đó hoàn thiện thành chữ *A-kha Thor-ra* phổ biến trong vương quốc.

** Văn học*

- Văn học dân gian phong phú: sử thi, truyện cổ, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ...

- Văn học viết bằng chữ Phạn và chữ Chăm cổ: trường ca, gia huấn ca, thơ ...

** Nghệ thuật*

- Kiến trúc: nhiều công trình kiến trúc tôn giáo (tháp, đền, thánh địa...) kỹ thuật xây tháp bằng gạch kết dính và điêu khắc là chạm trổ trên đá.

- Âm nhạc và ca múa: được dùng trong các lễ hội với nhiều loại nhạc cụ độc đáo.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1: Nền văn minh cổ đại nào sau đây được hình thành trên khu vực miền Trung Việt Nam ngày nay?

A. Văn Lang B. Âu Lạc C. Chăm pa D. Phù Nam

Câu 2: Nền văn minh Chăm – pa chủ yếu được hình thành trên lưu vực con sông nào sau đây?

A. Sông Mã B. Sông Thu Bồn C. Sông Hồng D. Sông Mê Công

Câu 3: Những cánh đồng màu mỡ ven sông Thu Bồn đã tạo điều kiện thuận lợi để cư dân cổ Chăm – pa phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

A. Nông nghiệp lúa nước B. Khai thác lâm thổ sản
C. Luyện kim, đúc đồng D. Thương mại đường biển

Câu 4: Nội dung nào sau đây là một trong những cơ sở dẫn đến sự hình thành và phát triển của văn minh Chăm – pa?

A. Mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ
B. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ
C. Nhu cầu đoàn kết chống xâm lược từ Trung Quốc
D. Nền văn hóa Óc Eo đã phát triển đến cực thịnh

Câu 5: Văn minh Chăm – pa được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào sau đây?

C. Phổ biến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

D. Sớm sáng tạo ra chữ viết riêng

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chăm – pa là một trong những nền văn hóa chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Ấn Độ trên hầu hết các lĩnh vực chính trị, tôn giáo và văn hóa – nghệ thuật. Nghệ thuật kiến trúc đền tháp cũng như các tác phẩm điêu khắc Chăm – pa ở Thừa Thiên Huế đều nằm trong truyền thống chung của nghệ thuật Chăm – pa ở miền Trung.....; đề tài thể hiện trên các tác phẩm điêu khắc Chăm – pa ở khu vực phản ánh một cách đậm nét nội dung tư tưởng trong thần thoại Ấn Độ. Đó là hệ thống thần linh trong Hin – đu giáo như Si – va, Bra – ma, Vít – xnu, Pa – va – ti, các vị thần tám phương bốn hướng, Ra – va – na hay các con vật huyền thoại như bò thần Nan – đin, chim thần Ga – ru – đa, thủy quái Ma – ka – ra”.

(Nguyễn Văn Quảng, “Các di tích đền tháp Chăm – pa ở Thừa Thiên Huế: Tư liệu và nhận thức”, in trong *Những vấn đề lịch sử và văn hóa Chăm – pa*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2021, tr.81 – 82)

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến văn minh Chăm – pa trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tôn giáo, văn hóa – nghệ thuật.

b. Chỉ có nghệ thuật kiến trúc điêu khắc Chăm – pa ở Thừa Thiên Huế chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ.

c. Các nhân vật trong thần thoại Ấn Độ đã trở thành đề tài chủ yếu trong các tác phẩm điêu khắc của cư dân Chăm – pa.

d. Các vị thần như Si – va, Bra – ma, Vít – xnu được thờ tự trong đền tháp Chăm đều là các vị thần của đạo Hin – đu và đạo Phật.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vùng đất này (Chăm – pa) được coi là vùng có khí hậu khô hạn nhất miền Trung, đồng bằng hẹp, khô hạn, cồn cát chiếm tỉ lệ cao. Trong những vùng ngăn cách bởi dải Hoành Sơn, có không gian khép kín, ba mặt là núi, hướng đông mở ra biển,... Mối liên hệ giữa các vùng với nhau chủ yếu là giao thông đường biển, bởi đường bộ phải vượt qua những đèo khá hiểm trở gian nan”.

(Lê Đình Phụng, *Đối thoại với nền văn minh cổ Chăm – pa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr.104).

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin những cơ sở về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cho sự hình thành nền văn minh Chăm – pa.

b. Địa hình của vương quốc Chăm – pa bị chia cắt và phức tạp, bao gồm cả đồng bằng thấp trũng, rừng núi, cao nguyên và biển.

c. Điều kiện tự nhiên của vương quốc Chăm – pa hoàn toàn không thuận lợi cho sự phát triển của nông nghiệp trồng lúa nước.

d. Phương thức di chuyển chủ yếu của cư dân Chăm – pa bằng thuyền trên sông, biển.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cũng như nhiều nước phương Đông, nước Chăm – pa theo thể chế quân chủ chuyên chế. Vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành về chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ. Các quan lại thấy vua phải quý, vâng, chỉ có vua được ở nhà có lầu cao, mặc áo gấm, đi kiệu có che lọng trắng. Vua là người duy nhất có quyền ban cấp đất đai cho đền chùa. Giúp việc cho vua có một số quan lại cao cấp như Tể tướng, hai đại thần, một người đứng đầu quan văn và một người đứng đầu quan võ”.

(Nguyễn Đình Vỹ (Chủ biên), *Tìm hiểu kiến thức lịch sử 10*, NXB Giáo dục, 2008, tr.66)

- a. Thể chế chính trị của vương quốc Chăm – pa có sự tương đồng với nhiều nước ở phương Đông lúc bấy giờ.
- b. Giống như quốc gia Văn Lang – Âu Lạc, thể chế chính trị của vương quốc Chăm – pa chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ.
- c. Ở vương quốc Chăm – pa, vua là người đứng đầu, có quyền lực tối cao và thường được đồng nhất với một vị thần.
- d. Ở vương quốc Chăm – pa, vua nắm quyền hành trên tất cả mọi mặt, đồng thời là người sở hữu tối cao về mặt ruộng đất.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Hàng trăm di tích lịch sử - văn hóa Chăm – pa vẫn đang hiện diện trên dải đất miền Trung và Tây Nguyên. Khu di tích thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa thế giới.

Các cộng đồng cư dân Chăm – pa đã xây dựng một nền văn minh phản ánh đời sống vật chất, đời sống tinh thần giàu sức sáng tạo, có trình độ phát triển không thua kém bất kỳ nền văn minh nào ở Đông Nam Á thời cổ - trung đại. Văn minh Chăm – pa có đóng góp trên nhiều phương diện đối với sự phát triển của lịch sử và văn hóa Việt Nam.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, Bộ chân trời sáng tạo, tr. 75)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp một số thông tin về thành tựu và đóng góp của văn minh Chăm – pa đối với Việt Nam và thế giới.
- b. Khu di tích thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) là công trình kiến trúc duy nhất của văn minh Chăm – pa còn tồn tại đến ngày nay.
- c. Văn minh Chăm – pa là nền văn minh có trình độ phát triển cao nhất ở khu vực Đông Nam Á thời kỳ cổ - trung đại.
- d. Những thành tựu của văn minh Chăm – pa đã góp phần vào sự phát triển của lịch sử và văn hóa Việt Nam sau này.

Bài 14. VĂN MINH PHÙ NAM

A. LÝ THUYẾT

1. Cơ sở hình thành

a. Điều kiện tự nhiên

- Địa hình: Nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, phía đông và tây nam giáp biển.
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- Nguồn lợi: nhiều sông ngòi, đất giàu phù sa, thủy sản phong phú, và nhiều hải cảng.

b. Dân cư và xã hội

- Dân cư: thuộc ngữ hệ Nam Đảo (ven biển) và Môn Khome (phía bắc, chủ nhân của nền văn hoá Óc Eo).
- Xã hội: gồm nhiều tầng lớp, có sự phân hoá giàu nghèo theo Ấn Độ giáo.

c. Ảnh hưởng văn minh Ấn Độ

- Sớm tiếp xúc với văn minh Ấn Độ (qua thương nhân, nhà truyền giáo) giúp Phù Nam tiếp thu nhiều giá trị như chữ viết, tư tưởng, tôn giáo, tổ chức nhà nước...

2. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Sự ra đời của nhà nước

- Nhà nước Phù Nam ra đời vào đầu thế kỉ I.
- Lãnh thổ là khu vực Nam Bộ Việt Nam ngày nay.
- Theo chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông

b. Hoạt động kinh tế

- Nông nghiệp: trồng lúa, chăn nuôi
- Thủ công nghiệp: làm gốm, gạch, đóng thuyền, dệt, chế tác kim hoàn...
- Thương nghiệp: thương mại đường biển phát triển với bên ngoài, thương cảng Óc Eo trở thành trung tâm thương mại lớn.

c. Đời sống vật chất

- Ăn: Thức ăn chính là cơm và sản phẩm từ nông nghiệp.
- Mặc: Đàn ông mặc khố dài tới gối, ở trần; phụ nữ mặc váy và đeo trang sức.
- Ở: Sống trong những ngôi nhà sàn làm bằng gỗ, lợp lá.

d. Đời sống tinh thần

**** Tín ngưỡng, tôn giáo***

- Tín ngưỡng: vạn vật hữu linh, phồn thực, thờ thần Mặt Trời.
- Tôn giáo: tiếp biến các nghi thức và triết lí của Ấn Độ giáo, Phật giáo, để tạo nên tôn giáo của mình.

**** Phong tục tập quán***

- Tục chôn cất người chết bằng nhiều hình thức.
- Đeo trang sức, bùa chú.
- Biết dùng loại cây giống thạch lựu để chế biến ra rượu để uống.

**** Chữ viết***

- Đầu thế kỉ III, tiếp thu chữ Phạn (Ấn Độ) → tạo ra hệ thống chữ viết riêng.

**** Nghệ thuật***

- Kỹ thuật tạc tượng, điêu khắc tinh xảo, mang đậm nét Ấn Độ.
- Âm nhạc, nghệ thuật ca múa rất phát triển.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Nền văn minh Phù Nam được hình thành trên lưu vực con sông nào sau đây?

- A. Sông Cửu Long. B. Sông Thu Bồn C. Sông Hồng D. Sông Mã

Câu 2: Văn minh Phù Nam được hình thành và phát triển chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Trung du Bắc Bộ.
C. Nam Bộ Việt Nam. D. Duyên hải Trung Bộ

Câu 3: Nền văn minh cổ đại nào sau đây được hình thành trên khu vực Nam Bộ Việt Nam ngày nay?

- A. Văn Lang B. Âu Lạc C. Chăm pa D. Phù Nam

Câu 4: Văn minh Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào sau đây?

- A. Sa Huỳnh B. Óc Eo C. Đông Sơn D. Đồng Đậu

Câu 5: Đồng bằng màu mỡ, nguồn nước dồi dào đã tạo điều kiện thuận lợi để cư dân Phù Nam phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Nông nghiệp lúa nước B. Khai thác lâm thổ sản
C. Luyện kim, đúc đồng D. Thương mại đường biển

Câu 6: Nội dung nào sau đây là cơ sở kinh tế dẫn đến sự hình thành nền văn minh Phù Nam?

- A. Hoạt động buôn bán bằng đường biển đặc biệt phát triển
B. Bắt đầu xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội
C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ và Ai Cập
D. Nhu cầu trị thủy và chống ngoại xâm ngày càng bức thiết

Câu 7: Nội dung nào sau đây là một trong những cơ sở dẫn đến sự hình thành và phát triển của văn minh Phù Nam?

- A. Mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ
B. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ
C. Nhu cầu đoàn kết chống xâm lược từ Trung Quốc
D. Nền văn hóa Sa Huỳnh phát triển đến cực thịnh

Câu 8: Nội dung nào sau đây là cơ sở xã hội dẫn đến sự hình thành nền văn minh Phù Nam?

- A. Xã hội có sự phân hóa giữa người giàu và người nghèo
B. Giao lưu buôn bán với các nước phương Tây phát triển
C. Hoạt động thủ công nghiệp đạt trình độ phát triển cao
D. Công cụ lao động bằng kim khí được sử dụng phổ biến

Câu 9: Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng về cơ sở hình thành của nền văn minh Chăm – pa và văn minh Phù Nam?

- A. Ngành nông nghiệp lúa nước đóng vai trò chủ đạo
B. Thương nghiệp đường biển đóng vai trò chủ đạo
C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Trung Hoa
D. Tiếp thu có chọn lọc ảnh hưởng văn hóa bên ngoài

Câu 10: Vị trí địa lý tiếp giáp biển đã tạo điều kiện thuận lợi để vương quốc Phù Nam

- A. tiếp nhận các luồng dân di cư từ bên ngoài
B. phát triển kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước
C. phát triển các ngành khai thác lâm, thổ sản
D. giao lưu, học hỏi nền văn minh Trung Hoa

Câu 11: Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng về cơ sở xã hội dẫn đến sự hình thành của nền văn minh Chăm – pa và Phù Nam?

- A. Ngành nông nghiệp lúa nước đóng vai trò chủ đạo
B. Sự kết hợp giữa người bản địa với bộ phận di cư

C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Trung Hoa

D. Tiếp thu có chọn lọc ảnh hưởng văn hóa Ai Cập

Câu 12: Trong xã hội Phù Nam, lực lượng nào sau đây là tầng lớp bị trị trong xã hội?

A. Quý tộc B. Tăng lữ C. Quan lại D. Nông dân

Câu 13: Nhà nước Chăm – pa và nhà nước Phù Nam đều được tổ chức theo mô hình của thể chế

A. dân chủ cộng hòa. B. dân chủ chủ nô. C. quân chủ chuyên chế. D. quân chủ lập hiến

Câu 14: Thiết chế chính trị và xã hội của văn minh Phù Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh

A. Ấn Độ B. Trung Hoa C. La Mã D. Hi Lạp

Câu 15: Nội dung nào sau đây phản ánh sự phát triển kinh tế của vương quốc Phù Nam?

A. Tiếp thu kỹ thuật làm đồng hồ, thuốc súng từ phương Tây.

B. Sản phẩm thủ công nghiệp đã phục vụ cho việc xuất khẩu.

C. Nông nghiệp lúa nước phát triển và đóng vai trò chủ đạo.

D. Kỹ thuật luyện kim và đúc đồng đạt đến trình độ hoàn mỹ.

Câu 16: Ngành kinh tế nào sau đây phát triển mạnh dưới thời kì nhà nước Phù Nam?

A. Chế tạo máy B. Làm đồng hồ C. Thương nghiệp biển D. Chế tạo vũ khí

Câu 17: Thương cảng nào sau đây đã trở thành trung tâm buôn bán sầm uất của vương quốc Phù Nam?

A. Óc Eo B. Vân Đồn C. Hải Phòng D. Đà Nẵng

Câu 18: Một trong những điểm khác biệt về kinh tế của văn minh Phù Nam so với văn minh Văn Lang – Âu Lạc là

A. kỹ thuật đóng gạch đạt đến trình độ cao

B. Thương nghiệp đường biển phát triển

C. Nông nghiệp lúa nước có vai trò chủ đạo

D. Sản xuất nông nghiệp quy mô đồn điền

Câu 19: Loại hình tôn giáo nào sau đây phổ biến trong đời sống tâm linh của cư dân Phù Nam?

A. Hin-đu giáo. B. Hồi giáo. C. Công giáo. D. Nho giáo.

Câu 20: Một trong những tín ngưỡng phổ biến của cư dân Phù Nam là

A. Thờ thần Dớt. B. thờ thần Mặt Trời. C. thờ thần Bra - ma. D. thờ thần Si - va.

Câu 21: Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc và cư dân Phù Nam?

A. Chịu ảnh hưởng của Phật giáo.

B. Có nền văn học viết phát triển

C. Phổ biến tín ngưỡng phồn thực

D. Sớm sáng tạo ra chữ viết riêng

II. Câu trắc nghiệm đúng - sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đề thấy rõ hơn nếp nghĩ và tập quán của cư dân cổ Phù Nam, cũng nên nhắc lại “những mảnh vàng”. Có hàng ngàn mảnh vàng nhỏ mỏng được các cá nhân hay tập thể tín chủ thành kính đặt vào đáy trụ giới (si – ma) của mỗi ngôi đền, là giới hạn lãnh địa của thần thánh với mong mỗi góp công đức và cầu xin được phù hộ... Một hệ thống tượng thờ Phật giáo và Hin – đu giáo, chủ yếu là nhánh Vít – xnu xuất hiện, làm thành trường phái nghệ thuật Phù Nam trong khung niên đại Phù Nam, tượng trưng cho đỉnh cao văn hóa Phù Nam độc đáo, đặc sắc, vượt trội trong toàn khu vực, xứng đáng khẳng định nền văn hóa Phù Nam tương xứng với vị trí cường quốc kinh tế - xã hội, “trung tâm liên giới”, niềm tự hào của người Phù Nam, của Vương quốc Phù Nam.

(Lương Ninh, *Nước Phù Nam*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr.116 – 117).

- a. Đoạn tư liệu cung cấp các dẫn chứng để chứng minh Phù Nam là một cường quốc kinh tế - xã hội trong khu vực Đông Nam Á.
- b. Cư dân cổ Phù Nam có tập quán đặt “những mảnh vàng” vào đáy trụ giới của mỗi ngôi đền với mong ước được thần thánh che chở và phù hộ.
- c. Nghệ thuật Phù Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ và Trung Hoa.
- d. Văn hóa Phù Nam là một nền văn hóa độc đáo, đặc sắc, vượt trội trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Người Phù Nam khôn khéo kiệt kiệt, đánh chiếm các nước láng giềng không thần phục, bắt dân họ làm nô tì, đổi chác vàng bạc, lụa bạch. Con trai nhà giàu sang thì cắt gắm làm quần, con gái thì quấn tóc, người nghèo thì lấy vải mà che. Họ dùng vàng bạc để nạm khảm bát đĩa. Họ biết dẫn gỗ làm nhà. Vua họ ở gác nhiều tầng. Họ lấy gỗ ken làm thành. Bờ bể nước họ có một loại cây gọi là đại nhược, lá dài tới 8 – 9 thước. Người ta bện lại để lợp nhà. Dân thường cũng làm nhà gác để ở”.

(Vũ Duy Mền (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 1 – Từ khởi thủy đến thế kỉ X*, NXB Khoa học xã hội, 2017, tr.572)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp một số thông tin về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân cổ Phù Nam.
- b. Trong quá trình tồn tại, vương quốc Phù Nam đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh để mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài.
- c. Cư dân Phù Nam có tập quán ở nhà sàn dựng bằng gỗ, mái lợp bằng lá.
- d. Cư dân Phù Nam đã biết dùng vải may quần áo, nhưng trang phục có sự phân biệt tùy theo từng tầng lớp xã hội.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trên cơ sở nền văn hóa Óc Eo, quốc gia cổ Phù Nam của cư dân cổ Nam Á và Nam Đảo sống ở đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành vào khoảng thế kỉ I, phát triển vào thế kỉ III – V và làm chủ một khu vực rộng lớn ở Đông Nam Á. Lãnh thổ của Phù Nam lúc bấy giờ bao gồm vùng hạ lưu sông Mê Công – Tôn – lê – Sáp và vùng châu thổ Nam Bộ.... Quốc gia cổ Phù Nam trước khi bị Chân Lạp thôn tính, trong giai đoạn phát triển (thế kỉ III – VI) là một cường quốc, một đế quốc cổ đại ở Đông Nam Á”.

(Nguyễn Đình Vỹ (Chủ biên), *Tìm hiểu kiến thức lịch sử 10*, NXB Giáo dục, 2008, tr.66)

- a. Quốc gia cổ Phù Nam được hình thành ở khu vực Nam Bộ Việt Nam ngày nay, trên cơ sở của nền văn hóa Óc Eo.
- b. Chủ nhân của văn minh Phù Nam là các cư dân thuộc ngữ hệ Nam Á và Nam Đảo.
- c. Trong quá trình tồn tại, vương quốc Phù Nam không ngừng mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài và trở thành một đế quốc ở Đông Nam Á.
- d. So với vương quốc Chăm – pa, vương quốc Phù Nam ra đời muộn hơn nhưng phát triển hùng mạnh hơn và tồn tại trong một khoảng thời gian dài.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Văn hóa Óc Eo chứng tỏ Phù Nam đã có quan hệ giao lưu rộng rãi với thế giới Đông Á, Nam Á và cả Tây Á, La Mã, trong đó ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ sâu đậm nhất. Trong phổ hệ vua Phù Nam, ngoài Hồn Điền trong thời hình thành nhà nước sơ khai, còn có hai vua người Ấn Độ theo Bà La Môn là Thiên Trúc Chiên Đàn và Kiều Trần Như....

Văn hóa Phù Nam nổi bật lên tính cách của một nền văn hóa biển và văn hóa thương mại. Nông nghiệp trồng lúa nước vùng đầm lầy giữ vai trò cung cấp lương thực cho cộng đồng cư dân, vùng núi phía đông bắc cung cấp lâm thổ sản, nhưng Phù Nam trở nên giàu mạnh là từ kinh tế biển và thương mại”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử và văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, NXB giáo dục, 2007, tr.193)

- a. Văn minh Phù Nam là một nền văn minh mang dấu ấn biển sâu sắc.
- b. Cư dân Phù Nam đã sớm có quan hệ buôn bán với nhiều nước phương Đông và phương Tây.
- c. Trong số các vị vua của vương quốc Phù Nam, có một số vị vua là người Ấn Độ.
- d. Các sản phẩm từ nông nghiệp và khai thác lâm thổ sản của cư dân Phù Nam chỉ phục vụ cho nhu cầu của người dân chứ không buôn bán với bên ngoài.

HẾT